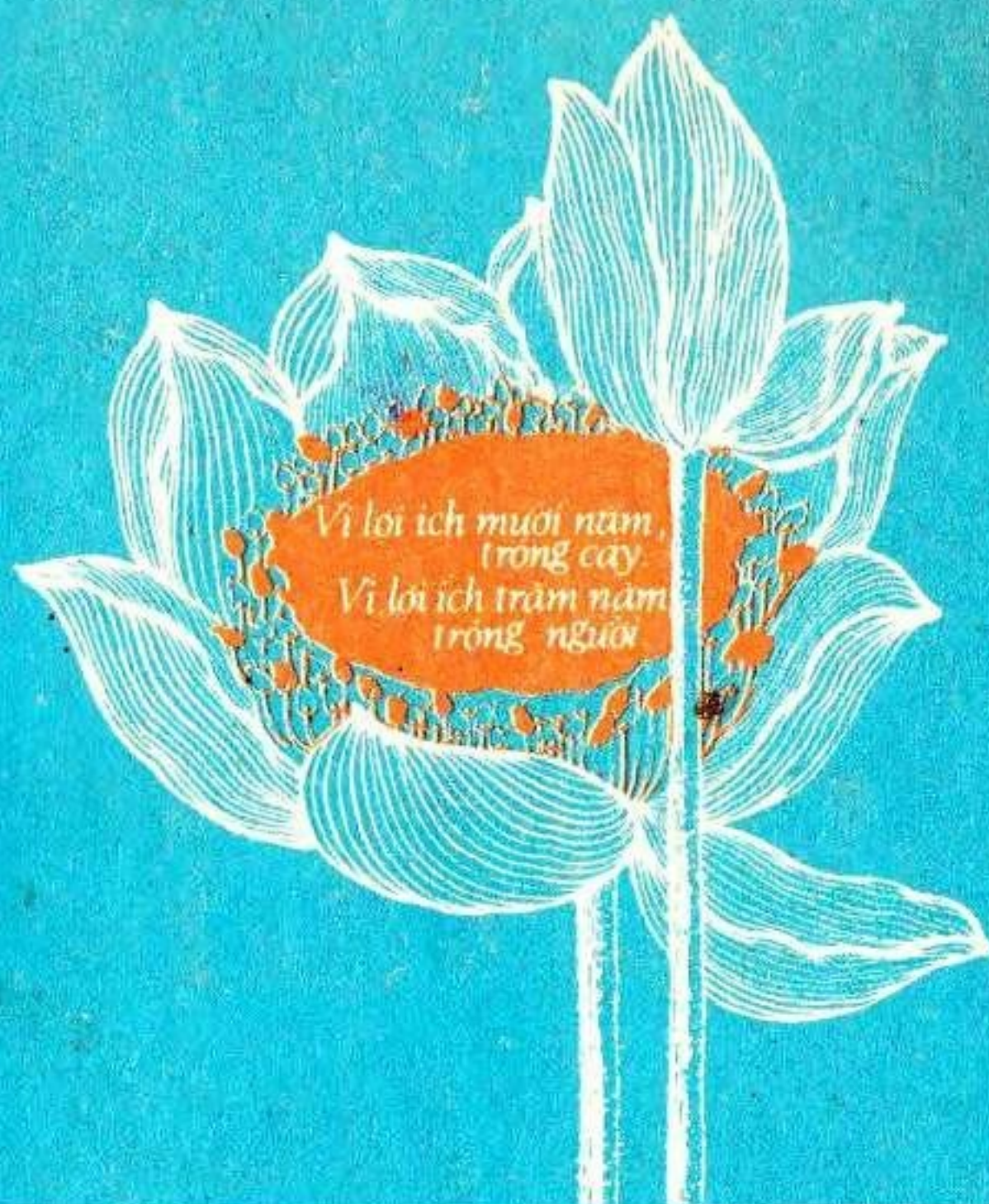




Tài liệu

CHÍNH TRỊ ĐẠO ĐỨC

LỚP 5
PHỔ THÔNG



Nhà xuất bản Giáo dục
•1977

U 421.3

T 103

Tài liệu CHÍNH TRỊ ĐẠO ĐỨC

LỚP NĂM PHỔ THÔNG

Hệ 12 năm

(In lại lần thứ hai)

14-1840



15737



M 1079188



Nhà xuất bản Giáo dục
•1977

TÀI LIỆU

CHÍNH TRỊ ĐẠO ĐỨC

LỚP NĂM PHỔ THÔNG

thuongmaitruongxua.vn

CHƯƠNG MỘT

**Gương miền Bắc sản xuất, xây dựng, chiến đấu
và chi viện miền Nam chống Mỹ cứu nước**

BÀI 1

TỪ EM BÉ MỒ CÔI NGHÈO KHỔ TRỞ THÀNH
NGƯỜI CÔNG NHÂN LÀM CHỦ XÍ NGHIỆP

CHUYỆN KỂ:

CÁCH MẠNG ĐÃ ĐEM LẠI CHO TÔI
CƠM ÁO VÀ ÁNH SÁNG

Chị Dung là con thứ sáu của một gia đình bần nông. Bố mẹ chị nhận ruộng cày cấy cho địa chủ nhưng vì không đủ thóc để nộp tô nên đã bị địa chủ cấm đất (1), tịch thu nhà cửa, đưa gia đình chị đến chỗ khốn cùng.

Hai anh của chị phải đi ở cho địa chủ. Cha mẹ chị phải gửi con ở lại làng, ra đi làm ăn phương xa, vất vả. Phần thì nhớ con, phần thì đói khổ, cha mẹ chị lâm bệnh (2) và lần lượt chết trong vòng mấy tháng.

Không còn nơi nương tựa, chị Dung ra Hà nội đi ở cho một nhà tư sản. Trong lúc đàn con của nhà tư sản quần là áo lượt (3), tung tăng cắp sách đến trường thì chị phải làm quần quật suốt ngày. Tối đến chị lại ngủ dưới gầm cầu thang cạnh con chó bị xích. Những đêm đông, gió lùa vào rét buốt tận xương. Chị phải chịu cảnh sống ấy suốt mấy năm trời.

(1) Cấm đất: có nghĩa là chiếm quyền sở hữu ruộng đất.

(2) Lâm bệnh: mắc bệnh nặng.

(3) Quần là áo lượt: ý nói ăn diện sung sướng.

Cách mạng tháng Tám thành công. Lòng chị như mở cờ (1). Cảnh đói khổ nhục nhằn thúc giục chị trốn thoát khỏi nhà chủ. Giữa cái tuổi 12 còn non thơ ấy, chị được bác Hai, một công nhân khuôn vác nghèo đói, mang về nuôi. Tuy đời sống còn thiếu thốn, nhưng chị có tình thương của gia đình bác Hai sưởi ấm. Chị được bác Hai cho đi học lớp bình dân.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, Bác Hồ kêu gọi già trẻ, gái trai vùng lên đánh giặc cứu nước. Chị hăng hái tham gia, làm liên lạc cho hai cán bộ hoạt động bí mật ở nội thành Hà Nội. Nhưng không bao lâu sau, hai anh cán bộ bị địch bắt. Mất đường liên lạc, chị phải đi làm công nay đây mai đó để sống qua ngày và chờ cơ hội. Từ năm 1953, chị vào làm công nhân ở hiệu Anh hoa đường, một xưởng sản xuất cao đơn hoàn tán (2).

Ở đây, anh chị em công nhân bị chủ bóc lột tàn nhẫn, mỗi ngày làm việc từ 6 giờ sáng đến 10 giờ đêm mới được nghỉ. Lúc đặt hàng thì chủ mượn; lúc ế hàng thì tìm cách giăn đuổi anh chị em thợ.

Hòa bình lập lại, nhìn các anh bộ đội vào tiếp quản thủ đô, lòng chị vui sướng rộn ràng. Chị nghĩ: «Đảng về, cách mạng về, những người lao động như mình nhất định thoát khỏi cảnh đói khổ». Tháng 8 năm 1959, tổ cải tạo công thương nghiệp về xưởng. Chị cùng anh chị em công nhân phấn khởi học tập, sản xuất và đấu tranh giúp nhà tư sản cải tạo. Nhờ tinh thần đấu tranh kiên quyết và bền bỉ, chị được vinh dự kết nạp vào Đảng, được bầu làm Bí thư Chi đoàn thanh niên Lao động và ủy viên Ban chấp hành Công đoàn liên xưởng cao đơn hoàn tán.

Đời sống chị được no ấm. Chị được học hành, được góp sức xây dựng xưởng, được tham gia quyết định các công việc lớn nhỏ trong liên xưởng. Từ một đứa bé mồ côi đi ở, chị trở thành một người nữ công nhân làm chủ cuộc đời của mình và làm chủ xã hội.

(1) Như mở cờ: ý nói rất vui mừng.

(2) Cao đơn hoàn tán: loại thuốc đông y, thường là thuốc viên.

BÀI 2

ÁNH SÁNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐÃ LÀM THAY ĐỔI NGƯỜI VÀ CẢNH VẬT CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

CHUYỆN KỂ :

HÀ NỘI NGÀY NAY

Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đã sống ở Pháp 26 năm, là một nhà trí thức nổi tiếng, giữ chức vụ Chủ tịch hội Liên hiệp Việt kiều ở Pháp trong nhiều năm. Năm 1964, bác sĩ về nước. Sau đây là những cảm nghĩ của bác sĩ khi trở lại Hà Nội đang xây dựng chủ nghĩa xã hội.

«Mỗi một ông nhà báo thực dân vào cửa hàng bách hóa tổng hợp của Hà Nội. Chắc ông ta bĩu môi. Ông ta sẽ nhớ lại cửa hàng Gô-đa (1) ngày trước, nào nước hoa, nào lụa là rực rỡ, toàn là hàng «Pa-ri», rồi ông so sánh với những áo quần, bút máy, va-li, giày dép, đồ sứ ngày nay, thấy nó thiếu màu mè, thiếu phẩm chất làm sao ! Tôi vẫn biết hàng hóa sản xuất ở Pa-ri tốt hơn hàng Hà Nội nhưng tôi không thể quên cửa hàng Gô-đa, đặt ngay ở trung tâm Hà Nội, lại có 100% hàng bán là hàng Pa-ri. Còn ngày nay 90% hàng được sản xuất ở Việt nam, bằng nguyên liệu của Việt nam. Tôi cũng không quên khách hàng ngày trước, hầu hết là người Pháp ; người Việt nam vào đây họa chăng cũng chỉ mấy ông quan lại (2) cao cấp,

(1) Cửa hàng Gô-đa : cửa hàng này trong thời kỳ Hà Nội còn bị thực dân Pháp chiếm đóng, chuyên bán hàng cho người Pháp.

(2) Quan lại : chỉ những người có chức vụ trong chính quyền thực dân Pháp hoặc chính phủ Bảo Đại (còn gọi là Nam triều).

hoặc người có nhiều tiền. Nhưng mời ông nhìn kỹ khách hàng của Bách hóa tổng hợp ngày nay xem có thiếu hạng người nào trong xã hội Việt nam không ?

Phố Tràng tiền ngày nay chắc không thể hào hoa (1) như thời trước, nhưng tôi còn nhớ ngày trước cách phố ấy vài chục thước, bao nhiêu người rách rưới ngả tay xin miếng cơm. Bây giờ mời ông nhà báo thực dân cùng tôi đi dạo quanh hết Hà nội, để ông tìm ra một người ăn mày đứng kêu gào ở góc phố. Tôi cũng biết trong đồng bào chúng tôi ở Hà nội, vẫn còn có người tiếc cái thời mua được hàng Pa-ri thanh lịch hào nhoáng. Riêng tôi, có khi dùng một thứ hàng nội hóa chưa được tốt lắm, cũng thấy bức mình. Nhưng dùng hàng nội, chịu cho phố Tràng tiền một thời gian giảm bớt hoa lệ đi, để khắp Hà nội không còn bóng một người ăn mày nào, chắc ông cũng thừa rõ tôi nhận bên nào.

Tôi biết rằng nếu tôi qua Hồng-công, Băng-cốc hoặc một số thành phố khác ở nhiều nước Á, Phi, tôi sẽ tìm ra bút máy Pháp, ra-đi-ô Nhật, Đức, sơ-mi ni-lông và cả ô-tô Mỹ nữa... bao nhiêu hàng tìm chẳng ra ở Hà nội. Tôi cũng biết rằng giả thử giai cấp tư sản cầm quyền thì hẳn rằng Hà nội cũng chẳng thiếu gì những thứ ấy !

Dân Hà nội chúng tôi chẳng giàu sang gì, nhưng người Hà nội ngày nay có những đòi hỏi rất cao : bà láng giềng tôi ba con rồi vẫn còn đi học, nhằm đạt cho được lớp 10. Hôm vừa rồi, đi ngang Việt nam Thông tấn xã, gặp một cháu 17 tuổi, hỏi nó đi đâu, nó bảo : «Cháu vừa mới làm ở xưởng dệt kim ra, ghé lại xem bản tin của Thông tấn xã, cháu muốn biết rõ tin thế giới và trong nước lắm». Té ra ngày ngày, chú công nhân trẻ tuổi cứ đạp xe đến cửa Thông tấn xem tin...

Đồng hồ lịch sử đang đốt giai đoạn, ông nhà báo thực dân ạ. Trên đất Thăng long này, từ ngày thực dân Pháp đã buộc phải bỏ đi, ánh sáng xã hội chủ nghĩa đã rọi đến...».

Trích «Pa-ri — Hà nội»
của Nguyễn Khắc Viện

(1) *Hào hoa* : hình thức bề ngoài bóng bẩy.

LIÊM KHIẾT, THẬT THÀ LÀ ĐỨC TÍNH CỦA CON NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

CHUYỆN KỂ :

ĐỨC TÍNH THẬT THÀ CỦA ANH QUẢN LÝ

Theo thường lệ, những ngày đầu tháng, anh quản lý Liên đến ngân hàng thị xã Thái bình lĩnh tiền về phát cho đơn vị. Hôm ấy, Liên đến sớm; anh ghi xong các giấy tờ theo đúng thủ tục rồi ngồi đợi. Đến lượt anh lĩnh tiền. Cô nhân viên ngân hàng căn cứ vào giấy tờ giao cho Liên một số tiền gồm các loại giấy 10 đồng, 5 đồng, và 1 đồng. Liên mang tiền ra bàn để kiểm tra lại. Anh đếm đi đếm lại đến bốn lần vẫn thấy thừa 500 đồng.

Liên nghĩ : «đã nhiều lần lĩnh tiền ở đây, chưa lần nào thừa thiếu một xu, sao lần này lại thừa những 500 đồng». Nghĩ đến lời dạy của Bác «phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư», Liên mang trả lại số tiền thừa cho ngân hàng.

Mọi người có mặt hôm đó ở ngân hàng đều khen ngợi đức tính liêm khiết (1) của người chiến sĩ công an nhân dân vũ trang. Còn cô nhân viên ngân hàng thì nói với anh bằng một giọng cảm động :

— May cho em quá, nếu không thì chẳng biết lấy gì đền cho quỹ công. Xin cảm ơn anh !

(1) *Liêm khiết* : trong sạch, không háms lợi riêng.

Một lần khác, vào dịp Tết, Liên đi mua 800 hộp mứt kẹo ở cửa hàng bách hóa. Khi mang về nhà đếm lại, thấy thừa 20 hộp. Có người bàn với anh : « Thôi cứ để đấy phân phối cho anh em, rồi trả tiền sau cho cửa hàng. Chẳng ai bảo mình tham ô (1) đâu mà sợ ». Liên suy nghĩ và trả lời : « Làm như thế cũng được. Nhưng trong ngày Tết, mứt kẹo khan hiếm, nếu ta lấy thừa 20 hộp thì nơi khác sẽ thiếu. Mang trả số thừa cho cửa hàng để họ phân phối mỗi nơi một ít cùng ăn Tết cho vui ». Anh em trong đơn vị đều nhất trí (2) như vậy.

Lần thứ ba, Liên đến cửa hàng bách hóa của thị xã Thái bình mua cho đơn vị một số áo lót. Các chị nhân viên cửa hàng lại đưa lăm cho Liên 5 chiếc, sau đó Liên cũng mang trả lại.

Chín tháng làm quản lý, trung sĩ Phan Xuân Liên thuộc đơn vị công an nhân dân vũ trang Thái bình đã ba lần trả lại tiền và những hàng giao thừa cho các cơ quan của Nhà nước.

(1) Tham ô : lấy cắp của công.

(2) Nhất trí : có nghĩa là mọi người cùng một ý nghĩ như anh Liên.

BÀI 4

BOM ĐẠN ĐỊCH KHÔNG CẢN TRỞ NỖI NGƯỜI NÔNG DÂN MIỀN BẮC HĂNG HÁI LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

CHUYỆN KỂ :

LÚA KHOAI XANH MUỘT BÊN CẦU HÀM RỒNG

Máy bay giặc Mỹ đã ném hàng ngàn tấn sắt thép làm đá núi Ngọc nát vụn, cá chết trôi sông, nhưng cầu Hàm rồng (1) vẫn hiên ngang vắt qua sông Mã. Và hai bên cầu, ở bờ bắc hay bờ nam, lúa khoai vẫn vươn lên xanh muột.

Hợp tác xã Yên vực ở bờ nam sông Mã, ngay cạnh cầu Hàm rồng. Cả hợp tác xã gần 500 nóc nhà chỉ còn hai ngôi không bị bom giặc tung mái. Ngót 600 lần giặc Mỹ ném và bắn xuống thôn xóm ruộng đồng Yên vực hàng trăm tấn bom đạn đủ loại tưởng không một sinh vật nào sống nổi. Nhưng những nền nhà bị phá hủy đã biến thành những luống ngô. Quanh các hố bom là những vạt khoai, đám rau, ruộng lúa xanh rờn. Ngày 3 tháng 4 năm 1965, bom đạn giặc đốt phá nhà cửa xóm Hoàng châu. Những ngày 21, 22, 23 tháng 9 năm 1966, giặc Mỹ lại bắn phá làm đổ sụp hầu hết các ngôi nhà còn lại, phá hủy nhiều cơ sở vật chất của hợp tác xã, biến 8 héc-ta đang chắc xanh thành những cái giếng, cái ao... Nhưng, người dân Yên vực không nản lòng. Hạt lúa, củ khoai, ngọn rau ngày nay không những thấm mồ hôi mà còn thấm máu bao người. Mọi người căm thù giặc Mỹ, quyết thi đua làm theo lời dạy của Bác Hồ : « Mỗi người làm việc bằng hai để

(1) Cầu Hàm rồng : cầu bắc qua sông Mã thuộc tỉnh Thanh hóa.

dền đáp cho đồng bào miền Nam ruột thịt». Cuối năm không những Yên vực có thêm khoai ăn mà còn được mùa bí ngô.

Bí thư chi bộ Lê Quốc Nhi hết lòng chăm lo việc chung, đêm đêm tìm nơi đặt chiếc cang tải thương làm giường ngủ. Bom đạn giặc nổ chung quanh, nữ đồng chí Hoat vẫn lùa đàn lợn xuống hầm tránh được thiệt hại cho tập thể. Bên cạnh cô Hiên «người con gái đánh dư trăm trận», còn có cô Na, cô Phớt, anh Lâm, anh Tước... chiến đấu kiên cường, lao động dũng cảm. Chồng chết vì bom giặc, chị Luận phải nuôi bốn con nhỏ, nhưng vẫn làm việc đồng áng đều đặn. Sáng tinh mơ từ nơi sơ tán chị đi bốn cây số về tham gia lao động với hợp tác xã cho đến hết buổi làm chiều mới về với con. Tuổi già, cụ Tân, cụ Nhi cũng không bỏ một buổi cày hoặc nhổ mạ. Tinh thần làm việc của những xã viên đó đã cổ vũ, thúc giục mọi người gắng sức thêm lên. Bà con làm không kể buổi. Họ gặt, nhổ mạ, cày, cấy... theo ánh trăng. Mấy thửa ruộng đồng Đá vừa cấy xong, bom đạn Mỹ phá tung hết, bà con kiên nhẫn cấy lại. Năm hố bom ở đồng Bái được san phẳng ngay để trồng khoai.

Còn nhớ 11 giờ sáng ngày 29 Tết, giặc Mỹ bỏ bom phá chung quanh làng. Bốn giờ chiều, chúng lại rải bom hi vào làng. Đêm hôm ấy cả hợp tác xã thức đến giao thừa để nghe lời Bác Hồ chúc Tết. Trời chưa sáng rõ, các nhóm đã gọi nhau đi làm cỏ, bỏ phân. Hai mươi lăm tấn bèo hoa dâu (1) được đem bón cho lúa, khoai.

Ngoài giờ sản xuất cho hợp tác xã, bà con lấp hố bom trong vườn, thu dọn nhà cửa, lấy đất cấy thêm lúa, trồng thêm rau, màu. Ngoài đồng, sắn, đỗ (2) mọc cả trên bờ mương, trên nền chùa, sân nghè và bên hố bom. Canh cây dứa, cây cau cháy đen là những luống ngô, đỗ, sắn, su hào...

Màu xanh của lúa, khoai, rau, màu (3) đang phủ kín những hố bom và trải rộng hai bên cầu Hàm rồng anh hùng.

(Theo Hữu Đức)

(1) Bèo hoa dâu : một loại bèo dùng làm phân bón.

(2) Đỗ : tiếng gọi các thứ đậu.

(3) Màu : tiếng gọi chung ngô, khoai, sắn... các cây thực phẩm ngoài lúa.

BÀI 5

CÒN HƠI SỨC LÀ CÒN GÓP PHẦN XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG ĐÁNH MỸ VÀ THẮNG MỸ

CHUYỆN KỂ :

MẮT HỒNG NHƯNG LÒNG VẪN SÁNG

Học xong chương trình lớp Sáu ở trường thương binh hồng mắt, Đoàn Trọng Sĩ tha thiết xin về xã Đức lĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Nghệ Tĩnh góp phần cùng bà con quê hương chống Mỹ cứu nước. Anh trình bày suy nghĩ chân thành của anh : «Đảng đã dạy tôi từ một thương binh hồng mắt trình độ lớp Ba lên đến lớp Sáu. Tôi đã có vũ khí để tiếp tục đánh giặc. Về địa phương, tôi có thể cùng bà con làng xóm góp phần xây dựng quê hương đánh Mỹ và thắng Mỹ ».

Nguyện vọng của Đoàn Trọng Sĩ được cấp trên chấp thuận. Sau ít hôm nghỉ ở nhà, anh lên gặp đảng ủy xã và tha thiết đề nghị : «Tôi đã học xong lớp Sáu, đề nghị các đồng chí cho tôi tham gia dạy Bô túc văn hóa».

Được tin anh Sĩ hồng cả hai mắt xung phong dạy Bô túc văn hóa, nhiều người không tin. Buổi lên lớp đầu tiên của anh quả thật vất vả : chữ viết trên bảng chưa thật thẳng hàng, họ tên học viên chưa thuộc, tiếng nói học viên chưa quen. Tuy kết quả buổi lên lớp đầu tiên còn hạn chế, nhưng Đoàn Trọng Sĩ

đã nêu cao gương sáng cho học viên của lớp Bồ túc văn hóa ; cả xã từ cụ già đến em bé đều suy nghĩ về anh : «Anh Sĩ hồng cả hai mắt còn dạy học ; mình mắt sáng, tay chân còn khỏe chẳng lẽ không đến lớp...».

Từ đó, bà con xã viên đi học ngày càng đông. Để nâng cao chất lượng bài giảng, Đoàn Trọng Sĩ không chỉ chăm lo soạn bài tốt mà còn nghiên cứu cải tiến cách chấm bài, chữa bài, giảng bài. Học viên đều khen anh : «Thầy Sĩ không những giảng dễ hiểu mà chữ lại tốt».

Anh còn nêu gương sáng về tinh thần tự học. Đến nay anh đã học hết lớp Bảy. Ngày mới về làng, anh dạy lớp Hai Bồ túc văn hóa, nay anh dạy lớp Bốn. Hầu hết học viên lớp anh đều thi đậu hết Cấp một.

Bà con xã viên tin nhiệm bầu anh vào ban quản trị hợp tác xã. Anh được phân công phụ trách công tác văn hóa xã hội.

Từ một thương binh hồng cả hai mắt, anh Đoàn Trọng Sĩ đã phấn đấu gian khổ để học tập và công tác, phấn đấu trở thành một chiến sĩ xuất sắc trên mặt trận giáo dục. Anh được tặng thưởng huân chương lao động hạng ba.

(Theo Trần Huy Tảo)

BÀI 6

Ở HẬU PHƯƠNG CŨNG NHƯ Ở TIỀN TUYẾN, ANH BỘ ĐỘI LUÔN VÌ NHÂN DÂN HY SINH, VÌ NHÂN DÂN QUÊN MÌNH.

CHUYỆN KỂ :

« BÀ CON LÒ CHẠY CHỮA CHO HAI CHÁU ĐỪNG LO CHO TÔI.»

Chú Bùi Hữu Hòa là sĩ quan quân đội nhân dân Việt nam. Chú Hòa rất thương mến thiếu niên và nhi đồng. Các em thiếu niên, nhi đồng cũng rất kính yêu chú Hòa và thích nghe chú kể chuyện.

Một hôm chú về thăm gia đình ở Nam định (1). Được tin chú Hòa về, các em quây quần bên chú rất đông. Chú lấy kẹo ra chia cho các em trong hàng xóm. Sáng sớm hôm sau, chú chuẩn bị đưa vợ con đi thăm bà con. Trong lúc đó, ở nhà bên cạnh, cô Quý đang đun nước. Cô lấy nhúm bình xăng đổ vào bếp dầu. Xăng bén lửa bùng cháy dữ dội. Cô Quý thét lên, chạy ra ngoài kêu cứu. Một cột lửa lớn trùm lên chiếc giường. Hai em Thu và Hà con cô Quý đang ngủ trong màn, tỉnh dậy, hoảng sợ, kêu gào thảm thiết.

(1) Nam định : Thị xã (nay thuộc tỉnh Hà nam ninh).

Tiếng kêu la thất thanh của trẻ em như xoáy vào tâm can chú Hòa. Không kịp mặc áo, chú xông thẳng vào màn lửa ôm một em bé lao ra ngoài và trao cho người khác.

Mặc cho ngọn lửa đang bốc cháy trên người, chú vẫn quay trở vào tức khắc (1). Gian buồng đang cháy dữ dội, khói tỏa mịt mù. Chú quơ tay lên giường lửa, tìm được cháu thứ hai. Chú Hòa vừa bế được cháu lên, chưa kịp bước ra khỏi buồng, bỗng thùng xăng dưới gầm giường bị sức ép nổ tung, luồng xăng phụt mạnh trùm lên người chú. Cả người chú bị cháy bùng lên như ngọn đuốc.

Chú Hòa lao đảo bước ra, mọi người ào tới bế em bé và dập tắt ngọn lửa. Người chú sạm đen, áo quần chú bị cháy gần hết. Chỉ có đôi mắt chú vẫn sáng. Chú bình tĩnh nói với mọi người: «Mong bà con kịp thời lo chạy chữa cho hai cháu, đừng lo cho tôi».

Nói xong, chú Hòa ngã khụy xuống.

Hai tháng sau, cháu Thu và Hà đã mạnh khỏe, được ra bệnh viện, trở về với mẹ. Bà con hàng xóm đến nhà chị Quý thăm hai cháu. Nhắc đến chú Hòa, chị Quý xúc động không cầm được nước mắt, bà con ai cũng thương mến chú. Vì chú Hòa đã nêu tấm gương ngời sáng của một quân nhân cách mạng quên mình vì nhân dân, vì những mầm non của Tổ quốc.

(1) Vào tức khắc : vào ngay, không chần chừ.

BÀI 7

Ở MIỀN BẮC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, ÁNH SÁNG VĂN HÓA TỎA KHẮP HANG CÙNG NGÕ HẸM

CHUYỆN KỂ :

ÁNH SÁNG VĂN HÓA Ở VÙNG CAO

Xã Ngồ luông, một xã vùng cao của tỉnh Hòa bình, ngày xưa tăm tối quanh năm, thấy mo (1), thuốc phiện hoành hành. Bản làng bấy giờ như hòn đảo, không một người dân nào đi ra khỏi xã. Một trăm người dân là trăm người mù chữ. Có năm đói, chỉ trong mấy tháng, hàng chục người chết rục rạc trong lều cõ.

Cách mạng về, đất vùng cao như rừng cây gặp ánh nắng mùa xuân. Đảng, Bác Hồ đã làm đổi đời cho người dân vùng cao. Bà con Ngồ luông bàn nhau học bằng được «cái chữ của Bác Hồ». Từ trên những túp nhà sàn xóm Bo, xóm Trầm, vang lên tiếng thanh niên, người già :

— Đứng, ta phải đục đá, mở đường đón cái chữ(2) lên !

(1) Thấy mo : thầy cúng.

(2) Cái chữ : cách nói của người vùng cao, thường dùng từ «cái» trước một số danh từ (cái bụng, cái đầu,...).

— Thóc, gạo, sắn khoai ở đầy dưới đất. Bà con mình phải học lấy cái chữ, cho sáng con mắt mà kéo chúng lên.

Người bí thư chi bộ đầu tiên, Bùi Văn Đui, nhiệt tình, hăng hái xung phong về trường miền xuôi « học bằng được lấy cái chữ ». Người Mường bao năm nay đói khổ, nay phải tập viết, làm con toán... khó khăn lắm. Nhưng có khó khăn nào cản được ý chí của người đảng viên này. Anh học bằng xong chương trình Cấp 1 và về xã mở trường...

Ban đầu chỉ có dăm bảy người đi học, phần lớn là thanh niên. Sau, tỷ lệ nâng dần lên 40%, rồi 70% số dân. Số lớp học tăng. Ngõ lương ngày nay có trường cấp 1, 2 Phổ thông và Bồ túc văn hóa. Năm 1971, cả xã phổ cập Cấp 1, tạo đà vươn lên phổ cập Cấp 2.

Hãy vào thăm khu trung tâm văn hóa trường học của xã. Hai dãy nhà với 28 phòng học thoáng mát dựng toàn bằng gỗ chắc chắn, trông rất đẹp mắt. Chúng ta còn xúc động hơn khi được biết rằng 100% số em trong độ tuổi đi học đã đến lớp. Trường Bồ túc văn hóa cho người lớn mở một năm hai khóa. Nhiều xã viên đang học Cấp 2; hầu hết cán bộ xã, hợp tác xã đã có trình độ văn hóa Cấp 2. Kỳ thi tốt nghiệp Bồ túc văn hóa Cấp 2 hàng năm, hơn 90% học viên thi đạt kết quả khá, giỏi.

Một lớp thanh niên lớn lên dưới ánh sáng cách mạng, huy hiệu Đoàn sáng lấp lánh trên màu áo chàm: Bùi Văn Nhoong, Bùi Thị Ất, Bùi Văn Kín, Bùi Thị Giắt, v.v... Tuổi họ còn rất trẻ. Tất cả đã học xong Cấp 2. Có cái chữ, có vũ khí khoa học rồi, họ say sưa lao vào cuộc cách mạng kỹ thuật của địa phương, đục núi mở đường cao trên 900 mét, tấn công vào các khâu kỹ thuật mới như cấy lúa chiêm, nung vôi,

dùng vôi bón ruộng, gậy dựng đàn bò gần 300 con, xóa bỏ tập tục lạc hậu như hút thuốc phiện, ma chay (1) linh đình (2)... và xây dựng nếp sống mới.

Cách mạng cũng đòi hỏi người già, Bồ cô Ất trước đây là thầy mo nổi tiếng khắp vùng. Cách mạng về, ông bỏ nghề thầy mo, vận động con cháu học tập, sản xuất. Bản thân ông cũng học, đã đọc thông viết thạo. Ông nhận làm đội trưởng đội sản xuất, tổ trưởng tổ nếp sống mới. Hàng ngày sau buổi làm, ông đọc sách, đọc báo, nghe đài. Tất cả các con ông đều học xong lớp 7. Có người học lên kỹ sư, bác sĩ.

Ngõ lương đang vững vàng tiến bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội với những con người xã hội chủ nghĩa.

(Theo Đinh Khắc Vượng và Phan Việt Nguyên)

(1) Ma chay : các hình thức cúng tế người chết.

(2) Linh đình : dâng hoàng, to tát, sang trọng.

CHỊ THỢ DỆT ĐỪNG 24 MÁY, ĐẠT DANH HIỆU "KIỆN TƯỚNG THIÊN LÝ MÃ"

CHUYỆN KỂ:

NỮ KIỆN TƯỚNG (1)

Khi mới vào dệt máy dệt, chị Hào (2) chỉ dệt được sáu máy. Chị nhìn các anh chị khác dệt 9 máy mà thèm. Về nhà, chị tập nối sợi suốt cả buổi trưa. Mẹ chị phải giắt năm sợi giấu đi, bắt nằm nghỉ. Nhưng khi nằm xuống giường, chị vẫn không ngủ, đầu óc còn mãi nghĩ việc bỏ động tác thừa. Chị tập nối tưởng tượng bằng hai tay không. Những ngón tay búp măng của chị cứ thoăn thoắt theo động tác nối, ngày càng nhanh hơn, như cô vẫn còn đang tập múa.

Những ngày ấy đã lâu rồi, nay chị Hào đã dệt được 9 máy, rồi 12 máy, 15 máy và bây giờ 18 máy, mức cao nhất của toàn xưởng. Song chị Hào vẫn còn băn khoăn: «Các chị thợ dệt ở Triều tiên dệt được những 30 máy, dù máy của ta có cũ hơn, cũng phải dệt trên 20 máy». Chị mơ ước đến ngày mình dệt được 24 máy.

Đến một hôm, trong tổ có chị ốm nặng, phải nghỉ làm, chị Hào nảy ra ý nghĩ: «Nhân tiện, ta thử xem». Chị bàn với anh Lan dệt bên cạnh: «Anh dệt thêm 3 máy nữa là 15 máy còn em sẽ dệt thêm 6 máy nữa là 24 máy. Em muốn dệt thử 24 máy xem sao, anh ạ!». Anh Lan đồng ý. Chị bắt tay vào thực hiện luôn và dệt đến hết ca (3).

(1) *Kiến tướng*: người đạt tiêu chuẩn cao trong công việc.

(2) *Chị Hào*: Nữ anh hùng Đào Thị Hào là công nhân nhà máy dệt Nam định (thuộc tỉnh Hà nam ninh).

(3) *Ca*: khoảng thời gian làm việc của mỗi kíp công nhân trong những xí nghiệp hoạt động liên tục.

Hôm sau chị bàn với chị Hiếu và anh Thường là những công nhân cùng nhóm, đề nghị cải tiến lối đi tua máy và tìm hiểu đặc điểm từng máy, để có cách xử lý cho đúng. Cả nhóm cùng bàn bạc và «làm lý lịch» cho máy. Cái anh số 1 như ông lão hay ghen thoi, anh số 2 là một con bệnh yếu gan, nếu cho nhiều mỡ vào là không chịu. Máy số 9 lại như cô gái ưa dịu ngọt, giắt hơi mạnh là giận dỗi vọt tung thoi ra... Chuẩn bị sẵn sàng rồi, cả nhóm cùng làm đơn tình nguyện gửi lãnh đạo xin đứng thử 24 máy.

Ôi! Ngày thao diễn (1) kỹ thuật dệt 24 máy sao mà vui thế! Tất cả nhóm đều trót lọt (2), dệt vững với 24 cổ máy dệt. Sau đó, phong trào dệt thêm máy lan rộng ra toàn xưởng. Cứ mỗi nhóm ba người dệt 24 máy trong ba ca, hàng năm vượt gần 6.000 thước vải.

Năm ấy, chị Hào được bầu là «kiến tướng thiên lý mã» (3). Hôm phát phần thưởng thi đua, bên cạnh những phần thưởng khác, đồng chí Giám đốc nhà máy choàng vào cổ chị chiếc khăn san hoa Triều tiên. Trên tường, ánh điện chiếu sáng khẩu hiệu: «Cần kiệm để xây dựng đất nước, cần kiệm vì miền Nam ruột thịt». Ánh đỏ của tấm băng lớn ấy phản ánh vào khuôn mặt của chị Hào, khiến đôi má chị càng thêm ửng hồng. Chị Thất là tổ trưởng, chớp chớp đôi mắt, kêu lên: «Chao ôi, em tôi xinh gái quá!». Chị Hào e thẹn, giấu mặt vào ngực chị. Những tiếng reo: «Hoan hô nữ kiến tướng! Hoan hô nữ kiến tướng» cùng với những tiếng vỗ tay ran lên như pháo nổ ngày xuân...

(1) *Thao diễn*: biểu diễn kỹ thuật.

(2) *Trót lọt*: xong xuôi một cách gọn gàng, không còn vướng víu gì.

(3) *Thiên lý mã*: ý nói tiến bộ rất nhanh về cải tiến kỹ thuật.

LAO ĐỘNG CHÂN TAY GIỎI RẤT ĐÁNG QUÝ VÀ CŨNG TRỞ THÀNH ANH HÙNG

CHUYỆN KỂ :

CHÚ BÊ (1) VÀNG 341

Chú Hồ Giáo quê ở Quảng Ngãi là công nhân ở nông trường chăn nuôi Ba vì. Chú chăn nuôi lợn và bò rất giỏi. Chú thương từng con vật chú nuôi, hết lòng chăm sóc chúng và rút được nhiều kinh nghiệm quý báu. Nhờ đó, chú đã cùng tập thể nông trường cung cấp nhiều thịt và sữa cho nhân dân. Mọi người vô cùng yêu quý chú. Chú được công nhận là anh hùng lao động.

Bê vàng số 341 là «con» cưng của chú Hồ Giáo. Ngược lại, chú Hồ Giáo là người «cha» thương mến nhất của chú bê vàng lai giống Ấn-Hà.

... Mỗi lần bé Sa được xem chú Giáo cho bê ăn sữa, ăn cám hoặc cỏ non, bé Sa càng thấy chú Giáo sao mà hiền thế. Chú biết nói chuyện với bê. Chú bảo, bê nghe. Chú cười vui, bê sán đến nũng nịu. Nhất là con bê vàng 341. Con bê này vừa lọt lòng mẹ đã nặng 47 ki-lô-gam. Chú Giáo đem nó về nuôi ngay không cho bú mẹ. Chú cho nó bú bằng bình sữa có núm vú cao su. Chú dùng tay cào lông, tắm rửa cho nó sạch sẽ. Con bê quen ngay chú thôi. Thấy chú ở đâu, nó ngừng lên nhìn theo đó. Hai mắt nó mở tròn, ngơ ngác. Khi chú đến gần nó, nó nhảy cẫng lên, dúi đầu vào người chú. Bê mà cũng biết nghịch. Nó cắn thắt lưng chú

(1) Bê : Bò con.

rồi khế lồi và nhả ra. Nó biết dỗi (1) nữa đấy. Thử mắng nó mà xem, nó bỏ ăn ngay. Nhưng, chú Giáo không hề mắng một con bê nào bao giờ. Thấy chú Giáo cứ mang bê mới đẻ về nuôi, bé Sa hỏi :

— Bê nó không có mẹ hả chú ? Mẹ nó không biết nuôi hay sao ?

Chú Giáo cười, xoa đầu bé :

— Có chờ cháu ! Để mẹ nó nuôi, không bằng ta nuôi cháu ạ. Mới lại nông trường còn phải lấy sữa bò đóng vào hộp như hộp sữa cháu ăn đó. Để bê bú mẹ, sữa lấy ra không sạch cháu ạ !

À, thế thì bé Sa biết. Sữa bò chứ gì ? Rất ngon ! Bé Sa gọi chú Giáo là chú, còn...

— Chú à, bê..., con bê... nó phải gọi chú là «má» nhỉ ? Chú nhỉ ?

Chú Giáo cười to :

— Phải đó ! Phải đó ! Chú biết nuôi nó mà ! ...

Chú cho bê ăn đúng giờ. Cả ngày lẫn đêm, bê ăn bốn bữa. Chà... lại còn tắm cho bê. Chú và bê lội ùm xuống suối, chú vỗ vỗ lên lưng bê, bê lắc lư cái đầu vẻ thích thú lắm...

Nó ăn mau, lớn khỏe, hay nghịch ngợm nhưng dễ bảo. Giao con bê sang trạm chăn nuôi bò lớn, chú Giáo như phải xa đứa con. Thấy chú nhớ bê mà Sa cũng nhớ lây. Đó là con bê ngoan nhất.

Bốn tháng sau, chú Giáo đi qua chỗ con bê 341, chú gọi nó, thế là nó nhảy phốc ra, quấn lấy chú. Cứ như là hai cha con lâu ngày mới gặp nhau vậy. Khi chú Giáo về rồi, nó cứ ngẩn ngẩn, ngơ ngơ. Thấy ai mặc quần áo xanh đi ngang qua, nó cũng ngheên cổ lên nhìn. Nó tưởng người đó là chú Giáo...

(Theo Phong Thu)

(1) Dỗi : hờn dỗi, giận dỗi do không vừa ý, không được chiều theo ý mình.

NGƯỜI NÔNG DÂN MỚI RẤT HĂNG SAY TRONG LAO ĐỘNG VÀ CÓ NHIỀU CẢI TIẾN TRONG LAO ĐỘNG

CHUYỆN KỂ :

ĐỘI THỦY LỢI TÊN LỬA

Nữ anh hùng lao động Phạm Thị Vách quê ở Hải Hưng, dẫn đầu trong toàn quốc về thành tích làm thủy lợi. Chị là con chim đầu đàn của đội thủy lợi xã Hùng cường, đội đã liên tục giành cờ đỏ trên công trường đại thủy nông Bắc - Hưng - Hải. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban xã, chị đã vận động bà con đắp con đê ngoài bãi, ngăn nước sông Hồng, giúp cho xã thoát khỏi cảnh úng lụt hàng năm.

Không khí làm việc trên công trường Bắc-Hưng-Hải thật là sôi nổi, khẩn trương. Nghĩ đến ngày mai nước về đồng, ruộng khô nẻ sẽ ẩm ấp nước phù sa, ruộng một mùa sẽ thành hai mùa, ai nấy đều phấn khởi, hăng hái làm, quên cả mệt nhọc. Nhiều đội đã đạt năng suất bình quân ba, bốn thước khối đất. Thế mà đội của chị Vách, được vinh dự mang tên là «Đội tên lửa» của xã Hùng cường, mới chỉ đạt bình quân một thước khối rưỡi. Tiểu đội của chị làm ở đoạn này gay go quá. Xung quanh toàn nước mênh mông. Lười mai cứ phải lùa xuống nước mà xăn đất. Tảng đất lại bị nước làm tả ra (1)...

Chị Vách như có lửa đốt trong lòng, chợt nhớ lại lời của

(1) Tả ra : nát ra, không nguyên tảng đất.

đồng chí lãnh đạo của tỉnh : «Chúng ta quyết tâm biến thủy tai (1) thành thủy lợi!». Một ý nghĩ bỗng lóe lên như một luồng ánh sáng trong óc, chị nói với các bạn :

— Các cậu ạ ! Hay là chúng mình khoanh vùng rồi đắp bờ, tát nước ra. Chỉ phải tát nước một lần, sau tha hồ có đất mà đào.

Nhìn nước mênh mông. Mọi người đều tán thành và bắt tay làm ngay. Người thì đắp bờ, người thì vào xóm mượn gàu. Chẳng mấy chốc, một hàng gàu thẳng tắp mọc lên đồ nước ào ào. Chị Vách người hơi thấp, nên nước ngập cả vạt áo. Khi nước rút, nắng hong khô ngay, làm thành một cái ngấn như áo nổi...

Đất mềm, xăn rất nhanh, chỉ một lúc đã ùn lên một đồng tương vì chuyển không kịp. Chị Vách dừng tay mai, nhìn đồng đất sột ruột. Chuyển thế nào cho nhanh ? Gánh thế này thì chậm quá. Kia rồi, có chiếc quan tài (2) cũ đã bốc mộ (3), ai vứt bỏ ở chân đê. Chị Vách lại chợt nảy ra một ý mới : «Ta làm cầu đê lao đất, các bạn ạ !».

— Cầu với chả kéo, lấy lưng ra mà làm cầu à ? Một bạn đứng cạnh đấy nói.

— Kia ! có ván kia !

Miệng nói, tay làm, chị Vách rủ một anh cùng đi khiêng về. Một lát, cái cầu ván bắc bằng mấy tấm ván đặt nối tiếp nhau, đã làm xong. Chị Vách lại thoa một lớp bùn bọng nhầy lên ván như bôi dầu, mỡ. Một bạn reo lên :

(1) Thủy tai : tai họa do nạn lụt gây nên (cách dùng chữ để đối với từ thủy lợi cho dễ hiểu và dí dỏm).

(2) Quan tài : tiếng ngoài Bắc gọi cái hòm để chôn người chết.

(3) Bốc mộ : bốc mả.

— Bệ phóng hoàn thành rồi ! Phóng tên lửa đi, các bạn ơi !

Chị Vách thử lao một tảng đất, nó chạy vun vút như con thoi dẹt vải. Chị cùng một số bạn lại tiếp tục xắn đất. Bảy người đào, bốn người lao.

Xoẹt ! Xoẹt ! Xoẹt ! Đất cứ lao đi tơi tấp như một dòng nước chảy không dứt...

Sáng hôm sau, trên công trường, hàng trăm «Đội tên lửa» đã chuyển sang thể tiến công theo kiểu chị Vách. Từ loa phóng thanh của công trường, tiếng hát quan họ Bắc ninh (1) như lượn quanh những đoàn người đang làm việc tấp nập, nghe vừa reo vui, rộn ràng, lại vừa đắm thắm, yêu thương...

..

(1) Quan họ Bắc ninh : một loại dân ca của tỉnh Bắc ninh (nay là tỉnh Hà bắc).

BÀI 11

NGƯỜI CÁN BỘ CÁCH MẠNG, BẤT LUẬN CẤP NÀO, CŨNG CHỈ LÀ HỌC TRÒ VÀ ĐẦY TỚ CỦA NHÂN DÂN

CHUYỆN KỂ :

ĐỨC TÍNH KHIÊM TỐN CỦA MỘT ÔNG BỘ TRƯỞNG

Trước Cách mạng tháng Tám, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch mở phòng khám bệnh ở Sài gòn, vừa chữa bệnh vừa hoạt động cách mạng. Năm 1945, ông tích cực tham gia Tổng khởi nghĩa ở Sài gòn và Nam bộ. Cách mạng tháng Tám thành công, ông làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng thành phố Sài gòn — Chợ lớn, có nhiều đóng góp quan trọng vào Nam bộ kháng chiến và cuộc kháng chiến chống Pháp của cả nước. Năm 1957, ông được cử làm Thứ trưởng rồi Bộ trưởng Bộ Y tế nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Lao động quên mình, khiêm tốn, giản dị, luôn tận tụy với nhân dân, với người bệnh, ông có nhiều công trình nghiên cứu y học xuất sắc và có công lớn xây dựng ngành y tế miền Bắc đạt nhiều thành tích rực rỡ.

Ông được phong danh hiệu Anh hùng lao động năm 1962. Năm 1968, ông vào công tác ở chiến trường và hy sinh tại đó.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch làm Bộ trưởng Bộ Y tế nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Ông thường nói : «Chứng nào đồng bào Thương (1) còn đốt đồng lửa nằm ngủ chung quanh và cả năm không tắm thì chúng ta chưa có quyền nghỉ ngơi và vui chơi. Chúng ta phải đến tận nơi, thấy tận mắt cách họ sống, bệnh tật của họ để tìm cách phòng và chữa».

(1) Đồng bào Thương : người ở các vùng cao thuộc các dân tộc ít người.

Nghe có một nhân tố (1) nào mới ở một trạm y tế xã tốt, một hộ lý, y tá được địa phương khen, một cơ sở vệ sinh phòng bệnh tốt, một nơi có hồ xi hai ngăn, giếng nước tốt, một bệnh viện gương mẫu... thì dù có phải đi bộ mấy ngày đường, vào Hoàng liên sơn (Hà giang), lên Tây tạng (xã giáp giới Lào của Tây bắc), ra đảo Quản lạc (Quảng ninh), ông cũng đến.

Ông nói: «Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; ốm đau là bệnh của xã hội. Phải phòng bệnh là chính. Và quần chúng phải tự giải phóng, tự chữa bệnh. Nơi nào phải có thầy thuốc của nơi đó; dân tộc nào phải có thầy thuốc của dân tộc ấy, ta không làm thay hết được. Cho nên ta phải khiêm tốn học hỏi những cái hay, cái tốt trong quần chúng. Ở đâu xuất hiện những nhân tố mới, ta phải đến đó học tập, động viên và chỉ bảo».

Năm 1959, ông đi bộ bốn ngày đường từ thị xã Hà giang lên Đồng văn. Tỉnh ủy cho ông một con ngựa, ông nhường cho các cán bộ già yếu. Minh trần, đẩu trần, vai đeo ba-lô, ông cứ lúi-lúi leo qua «cổng trời» (2) Cán tề, «cổng trời» Quán hạ, dốc Mã-pì-lềng...

Có lần ông đến thăm một xã hẻo lánh thuộc huyện Đông sơn (Thanh hóa). Ông tỉ mỉ hỏi một cụ già đang ngồi vót nan.

— Thu hoạch của cụ mỗi tháng được bao nhiêu?

Cụ già không biết, nhưng cụ nói số thóc, số trái cây, số gà... tính đi tính lại chỉ có 7 đồng một tháng! Ông Thạch ngồi thừ ra một hồi lâu, vẻ mặt buồn rầu. Mãi ông mới quay lại nói riêng với những người cùng đi: «Người ta chỉ có bảy đồng mỗi tháng thì lấy tiền đâu mua thuốc chữa bệnh!».

(1) Nhân tố: ở đây ý nói về một trường hợp tiến bộ mới xuất hiện có thể gây thành phong trào chung.

(2) Cổng trời: đỉnh núi cao thường có mây phủ, tưởng tượng như cổng trời theo truyện thần thoại.

Ông hỏi cụ già khi nhà có người ốm thì chữa bằng cách gì. Cụ đáp chữa bằng thuốc Nam. Ông hỏi cụ thể, ghi chép cẩn thận, nhận mặt các lá và hỏi cách trồng. Từ đấy, lòng quyết tâm kết hợp thuốc Đông và thuốc Tây càng mạnh. Đến đâu ông cũng tìm ông lang danh tiếng, ông ké (1), bà má có kinh nghiệm về thuốc để học hỏi. Nhờ thế mà nhiều đơn thuốc bí truyền (2) không bị mai một (3). Ông đã tìm gặp và đón ông lang Vạn ở Thanh hóa về Hà nội, dạy khoa bó xương gãy bằng phương pháp dân gian cho các bác sĩ.

Khiêm tốn học tập quần chúng nhân dân, ông cũng không quên học trong thực tế chữa bệnh và trong sách vở. Mặc dầu làm Bộ trưởng bận trăm công ngàn việc, ông vẫn phụ trách Viện chống lao lớn nhất của miền Bắc và hàng ngày có mặt ở phòng khám hoặc phòng nghiên cứu của Viện. Ông đọc sách rất nhanh nên đọc được rất nhiều. Ông thường đọc sách đến 12 giờ khuya mới đi ngủ. Có thể nói rằng không một thành tựu mới nào về y học của thế giới mà ông không tìm hiểu thấu đáo.

Chính nhờ khiêm tốn học hỏi, say mê nghiên cứu và lao động quên mình mà bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đã có nhiều cống trình nghiên cứu y học xuất sắc và có công đầu xây dựng ngành y tế miền Bắc đạt nhiều thành tích rực rỡ.

..

(1) Ông ké: tiếng người vùng cao chỉ ông cụ.

(2) Bí truyền: dạy riêng cho các thuật phép về nghề nghiệp, ở đây là các phương thuốc hay.

(3) Mai một: mất dần đi.

ANH BỘ ĐỘI HẾT LÒNG THƯƠNG YÊU, CHĂM SÓC ĐỒNG ĐỘI VÀ SẴN SÀNG HY SINH ĐỂ CỨU ĐỒNG ĐỘI

CHUYỆN KỂ:

CHỊ HIỀN

Nòng súng của các khẩu đội thuộc phân đội 184 pháo cao xạ chĩa thẳng lên trời như những cánh tay thép sẵn sàng bẻ gãy cổ những «con ma», «thần sấm» Mỹ. Giữa những ngày cuối tháng 10 năm 1967 sôi sục, những giờ im lặng như lúc này thật là hiếm. Khẩu đội phó Lê Xuân Lầu không bỏ phí một phút. Anh lại gỡ gói kim chỉ cuộn tròn trong một bọc vải ra và cặm cùi khâu khâu, vá vá. Ngồi cặm cùi một lúc, Lầu vá xong một miếng to hình chữ nhật vào chỗ rách ở đầu gối chiếc quần ka ki. Pường kim mũi chỉ của Lầu khéo chẳng kém đường kim mũi chỉ của những cô gái ngoại thành Hà nội, quê hương anh. Lầu cầm chiếc quần mới vá xong treo lên u pháo. Anh đi rất khẽ đến sau lưng đồng chí chiến sĩ đang gác bầu trời, đập nhẹ lên vai và nói:

— Xong rồi đây, cậu đem về mặc thử xem; để mình trực thay cho.

Anh chiến sĩ trẻ vui vẻ cầm lấy chiếc quần giờ lên ngắm nghía, gật gù khen:

— Giá mà em kiếm được miếng vá cùng màu thì đẹp quá. Nhưng thôi, thế này cũng thơm (1) lắm rồi. Cảm ơn anh Lầu.

(1) Thơm: ý nói coi được.

Lầu không trả lời. Mảnh trời xanh lợt phớt những đám mây trắng xốp như bông đã cuốn hút cả tâm hồn anh.

Lê Xuân Lầu sống như thế đấy.

Anh hết lòng thương yêu chăm sóc đồng đội lúc bình thường cũng như khi chiến đấu cho nên anh em trong đơn vị đều triu mến gọi anh là «chị hiền».

«Chị hiền» Lê Xuân Lầu ít nói, lúc bình thường trông hiền lành chậm chạp, nhưng trong chiến đấu thì rất nhanh nhẹn, tháo vát. Anh đã cùng khẩu đội đánh địch trên nhiều tuyến đường, ở nhiều trận địa của khu 4, khu 3, Việt bắc...

... Cuộc chiến đấu bước qua ngày thứ hai: 24 tháng 10 năm 1967. Trước khi nổ súng, có chiếc áo giáp bên bằng rom, Lầu đem nhường cho Khả, một chiến sĩ trong khẩu đội. Khả không nhận, nói: «Anh cần hơn tôi». Lầu thì cứ bảo: «Cậu cần hơn mình». Hai bên đang giằng co thì máy bay địch lao đến. Cả trận địa tiếp đón chúng. Chỉ loạt đạn đầu, hai thằng «thần sấm» đã chết thui. Bọn còn lại cuống cuống tháo chạy thực mạng (1). Nhưng chỉ ít phút sau, nhiều tốp máy bay khác của giặc Mỹ lại mò vào. Cuộc chiến đấu lại tiếp tục sôi nổi hơn bao giờ hết. Những quả đạn đồng vàng chóa, to như cột nhà từ trong tay Lầu chuyển lên nòng súng, rạch trời bay lên, đồng đặc hời tời quân thù. Trận địa rung chuyển khói đạn, khói bom mù mịt. Mặt Lê Xuân Lầu đen ngòm, mồ hôi ướt đầm lưng áo, hai hàm răng cắn chặt, hai mắt long lên; hai cánh tay chắc nịch của anh nâng đạn nhẹ như con thoi. Mỗi lần chuyển đạn lên cho Khả lao vào nòng, Lầu lại thét lớn, động viên anh em: «Chúng đánh phá Thủ đô ta đấy. Các đồng chí hãy giọt mạnh vào, hãy đập vỡ mồm con chó đại Giôn-xơn!».

(1) Chạy thực mạng: liều lĩnh không kể đến tính mạng.

Bom bi giặc Mỹ ném xuống trần địa như ngô rang. Ngóảnh sang đôn quả đạn trên giá, Khá thấy máu đầy ngực và cánh tay áo của Lầu. Khá kêu lên :

— Anh Lầu ơi, anh bị thương rồi, có chuyện đạ được nữa không ?

— Cứ bình tĩnh mà nện mạnh vào. Mình vẫn bảo đảm được.

Lầu vừa trả lời vừa chuyển đạn lên. Vết thương giữa ngực Lầu rất nặng, máu chảy ròng ròng ; Lầu vẫn hăng hái nhòai người ra chuyển đạn lên cho Khá lao vào nòng pháo. Tay anh vừa nâng được một quả đạn nữa thì một quả bom bi rơi ngay dưới chân anh. Quả bom nổ tung. Mảnh bom xuyên thủng quả đạn lớn. Quả đạn văng xuống đất hốc chày ngùn ngụt. Tai họa ! Lửa bùng lên liếm vào những hòm đạn chất đồng bên khẩu pháo. Lửa đang vây lấy đồng chí khẩu đội trưởng, đốt sém cả lông mày và áo giáp. Lửa sắp lan ra và làm nổ tung tất cả !

Hai cánh tay giang rộng như cánh một con đại bàng bay trong không gian, mắt sáng ngời một ý nghĩ quyết liệt, Lê Xuân Lầu lao ngay vào đồng lửa, đem cả thân hình đè lên quả đạn đang cháy đứng đưng. Anh ôm chặt lấy nó như ghi lấy cổ một con thú dữ. Nó đốt cháy cả thịt da anh, nhưng cuối cùng nó đã nằm im.

Ngọn lửa bị dập tắt. Khẩu đội Lê Xuân Lầu vẫn tiếp tục chiến đấu...

(Theo Hoàng Tuấn Nhì)

..

BÀI 13

NGƯỜI MẸ CHIẾN SĨ VIỆC NƯỚC, VIỆC NHÀ GÁNH NẶNG HAI VAI, VẮN LO LIỆU HẾT SỨC CHU TOÀN

CHUYỆN KỂ :

NGƯỜI MẸ CHIẾN SĨ

Mẹ Hen có sáu người con trai, con gái và con rề đã và đang chiến đấu trong lực lượng vũ trang. Còn có gái út đang học lớp 9, năm ngoài cũng làm đơn xin cho đi bộ đội nhưng xã bảo ở nhà đi học vì có anh mới hy sinh.

Con trai đi chiến đấu, con rề đi chiến đấu. Một đàn cháu ở nhà đều qua tay mẹ chăm sóc. Mẹ ở trong ban chấp hành hội Liên hiệp phụ nữ xã, là tổ trưởng tổ mẹ chiến sĩ và là tổ trưởng tổ tiết kiệm trong ban quản lý hợp tác xã tin dùng. Mẹ còn nuôi một con trâu từ khi thành lập hợp tác xã nông nghiệp đến nay. Sau mùa gặt hái, ngày hai buổi mẹ đi cày, nổi tiếng cày giỏi nhất nhì hợp tác xã. Đến nay 62 tuổi, mẹ chưa bỏ một buổi cày nào nếu không phải bận đi họp. Việc trông coi nhà cửa vườn tược đã có cu ông giúp một tay. Ban đêm mẹ đi làm công tác của Hội, khi thì họp tổ mẹ chiến sĩ bàn việc giúp đỡ bộ đội, khi thì đi vận động gửi tiền tiết kiệm, xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo. Mẹ có hai quyển sổ tay mẹ ghi chép danh sách và số liệu gửi tiền, gạo tiết kiệm của bảy tổ mẹ chiến sĩ ở trong hợp tác xã. Mẹ Hen biết đọc, biết viết từ thuở học Bình dân học vụ ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công. Tên người, số tiền, số gạo, khoản thu, khoản chi, mẹ

ghi rành mạch. Mẹ không làm toán cộng trừ trên giấy, nhưng mẹ sử dụng bàn tính rất thạo, đến cô con gái học lớp 9 khi soát lại cũng không tìm ra được một chỗ sai nào.

Đêm nào cũng vậy, hội họp, công tác xong xuôi, khi thì mẹ đến ngủ với con gái có chồng đi chiến đấu xa, ấp ủ đứa cháu ngoại; khi thì mẹ sang ngủ nhà chị con dâu, bế bồng đàn cháu nội. Dù con gái hay con dâu, chồng đi vắng, khi tối lửa tắt đèn, khi đau ốm đều có mẹ bên cạnh an ủi, vỗ về. Mẹ bảo các con dâu, con gái chuyển nhà ở quây quần bên mẹ để sớm hôm mẹ con, bà cháu có nhau.

Trong hợp tác xã, hễ có anh thương binh về làng cưới vợ, mẹ chiến sĩ có con đang làm nhiệm vụ ở xa qua đời hoặc chị vợ anh bộ đội nào đó đến ngày ở cũ... đều có mặt mẹ Hẹn và tổ mẹ chiến sĩ đến thăm, động viên bằng lời nói và giúp đỡ bát gạo, đồng tiền do tổ hội mẹ chiến sĩ vận động bà con tiết kiệm được. Người ở xa nghe tin, hởi lòng, hởi dạ; người sau tiếp bước người trước vui vẻ lên đường.

Mẹ Hẹn được tặng huy hiệu Hồ Chủ tịch, được Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt nam tặng huy hiệu phụ nữ «ba đảm đang» bảy năm liền và được chi nhánh ngân hàng Nhà nước trao thưởng về thành tích vận động gửi tiền tiết kiệm.

(Theo Hoàng Nguyễn)

BÀI 14

XÊ DỌC TRƯỜNG SƠN ĐI CỨU NƯỚC MÀ LÒNG PHƠI PHỐI DẬY TƯƠNG LAI

CHUYỆN KỂ :

CHUYẾN XE VÌ MIỀN NAM RUỘT THỊT

Thấy Văn quả quyết, người chính trị viên gật đầu, ánh mắt sáng lên một niềm vui. Văn sung sướng nắm chặt bàn tay to ấm của chính trị viên và hỏi :

— Thủ trưởng cứ tin ở tôi. Nhất định tôi sẽ hoàn thành nhiệm vụ.

Vừa tốt nghiệp trường lái xe, Văn đã xung phong nhận nhiệm vụ đưa hàng ra tiền tuyến.

Suốt một ngày giông ruồi (1) trên các tuyến đường, nắm chắc từng vòng tay quay, anh đã đối phó với biết bao nhiêu tình huống ác liệt của máy bay địch. Người thấm mệt, nhưng lòng anh vui rộn ràng : đã từ lâu Văn mong mỗi ngày lên đường chiến đấu, góp sức cùng đồng bào miền Nam chống Mỹ cứu nước.

Mãi mê suy nghĩ, bất chợt xe của Văn đến điểm cao X. vào lúc xâm tối. Văn cho xe dừng lại. Anh bước xuống quan sát. Con đường qua điểm cao X. một bên là vực thẳm, một bên chỉ chít những hố bom. Đất đá còn nóng ran bốc khói khét lẹt. Cả con đường chỉ còn nổi lên hai đường gân vừa sít hai

(1) Giông ruồi : đi nhanh trên đường trường.

bánh xe. Văn đứng lặng đi. Một lát anh quyết định : «Bằng giá nào cũng phải vượt qua «cửa tử» này thì mới đưa hàng tới đích được».

Văn nhảy lên xe và bảo đồng chí lái phụ lên phía trước làm hiệu dẫn đường. Trong bóng đêm, anh thận trọng cho xe tiến theo chiếc khăn tay vẫy vẫy của người lái phụ.

Chiếc xe nhích dần, nhích dần từng vòng. Bỗng pháo sáng của địch lóe lên. Văn nhìn rõ 3 quả, 6 quả rồi 11 quả lơ lửng trước mặt. Một chiếc máy bay từ bên phải lao xuống cắt một loạt bom phá trước mặt xe anh. Đất đá tung lên, khói bụi mù mịt. Văn vội hãm xe dừng phắt lại.

Ánh pháo sáng địch quét đi quét lại trên đồi cao. Ngột tiếng bom, lợi dụng ánh sáng, Văn phóng xe vượt khỏi đồi cao. Vừa lúc ấy một loạt bom nổ ngay ở phía sau. Đoạn đường bị lở. Loạt rốc két (1) đã làm thủng một lớp xe và kết nước. Chiếc xe nghiêng đi. Phải giành giật từng giây, từng phút ! Văn vụt nghĩ. Anh cắn chặt môi, phát động máy, mở van hơi tự động, vừa bơm vừa chạy.

Chạy được khoảng 500 mét thì máy hết nước. Văn cố lái cho xe nép vào hàng cây thưa bên đường. Nhìn bảng kiểm tra, anh thấy máy nóng trên 100° C. Anh bảo đồng chí lái phụ xuống ngâm mức nước. Một mình Văn dùng kim bóp bẹp những ống kết nước bị vỡ và dùng vải quấn kỹ lại. Loay hoay mãi, Văn mới chữa xong. Khi đổ nước vào, anh kiểm tra thấy nước không chảy nữa. Anh cho xe tiếp tục chạy. Chiếc xe bon bon leo qua những đoạn dốc. Lúc này Văn mới biết đầu tóc mình bị cháy sém, quần áo thấm đầy cát và mồ hôi.

Hôm ấy Văn đã thức suốt đêm lái xe vượt qua vòng uy hiếp của máy bay địch, đưa hàng tới địa điểm an toàn với tất cả tấm lòng vì miền Nam ruột thịt.

(Theo Vũ Huê)

(1) Rốc két : một loại đạn phá, máy bay giặc Mỹ thường dùng.

TỔ QUỐC ĐÒI ĐÒI GHI CÔNG NHỮNG NGƯỜI CHA, NGƯỜI MẸ SẴN SÀNG GỬI CON MÌNH RA TIỀN TUYẾN

CHUYỆN KỂ :

GIA ĐÌNH CỤ NGUYỄN VĂN TÁCH CÓ TÁM CON ĐI BỘ ĐỘI

Nhân dân xã An ấp, huyện Phụ lục, tỉnh Thái bình thường gọi gia đình cụ Nguyễn Văn Tách là «gia đình vẻ vang» vì gia đình cụ có nhiều cống hiến cho công cuộc kháng chiến và cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, cụ Tách đã lần lượt tiễn ba con trai là Nguyễn Văn Diễn, Nguyễn Văn Chuyên, Nguyễn Văn Chuyên và người con rể là Nguyễn Quang Huệ đi bộ đội giết giặc. Khi đế quốc Mỹ kéo bộ binh sang xâm lược miền Nam, cụ Tách lại cho ba con trai nữa vừa mới lớn lên là Nguyễn Văn Nguyên, Nguyễn Văn Bảy, Nguyễn Văn Tám lên đường đánh Mỹ cứu nước. Vừa qua, một người con trai của cụ là Nguyễn Văn Bảy đã anh dũng hy sinh trong một trận chiến đấu. Cụ Tách nói với bà con trong xã : «Cháu Bảy hy sinh, gia đình tôi rất đau xót. Nhưng nghĩ cháu hy sinh vì nước thì gia đình tôi cũng rất vinh dự. Tôi xin hứa với bà con là sẽ động viên các cháu hăng hái hơn nữa trong chiến đấu và sản xuất để trả thù cho cháu Bảy và góp phần cùng toàn dân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược».

Đầu năm 1968, cụ Tách lại có một con trai vừa tròn 18 tuổi, tên là Nguyễn Văn Du cùng theo bước các anh lên đường giết giặc. Khi tiễn chân con, cụ Tách dặn : «Con đi không phải lo gì cho thầy u cả. Ở nhà đã có hợp tác xã và bà con giúp đỡ. Điều con phải lo là làm sao diệt được thật nhiều giặc Mỹ để trả thù cho anh con, cho đồng bào ta ở hai miền Nam, Bắc bị chúng giết hại».

Thương nhớ các con, cụ ông, cụ bà tuy tuổi già sức yếu vẫn tích cực sản xuất và lo việc chung của hợp tác xã. Hai cụ đều tham gia hội phụ lão, tổ trồng cây. Cụ bà còn là một trong những hội viên tích cực của hội mẹ chiến sĩ ở địa phương.

Để con trai, con rể, con gái, con dâu yên tâm chiến đấu, sản xuất và công tác, cụ bà hết lòng chăm lo săn sóc các cháu nội ngoại. Hai cụ còn thường xuyên viết thư động viên các con ở tiền tuyến thi đua lập công diệt Mỹ, cứu nước.

BÀI 16

NGƯỜI HẬU PHƯƠNG NGHĨ ĐẾN NGƯỜI Ở TIỀN TUYẾN, VƯỜN LÊN LÒ TRỌN VIỆC NƯỚC, VIỆC NHÀ

CHUYỆN KỂ :

TẤM LÒNG NGƯỜI VỢ

Người theo đạo Thiên chúa thường trầm lặng. Chị Nguyễn Thị Mừng ở thôn Thiên chúa giáo toàn tòng T.N. lại càng ít nói. Chị sống nhiều bằng nội tâm, âm thầm kính chúa, yêu chồng, thương con. Lặng lẽ, e thẹn, chị ít thích đi ra ngoài và ít chơi bời với bạn bè. Chị có chồng đi chiến đấu ở chiến trường xa đã mấy năm nay. Trước khi anh đi, ở nhà chị không hề tham gia một công tác gì. Thế mà từ dạo anh ra đi, nghĩ rằng người ở hậu phương phải có nghĩa vụ với người ngoài tiền tuyến, đối với đồng bào miền Nam ruột thịt, chị đã hăng hái tham gia mọi công tác đoàn thể giao phó.

Chị được kết nạp vào Đoàn thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, làm đội trưởng đội sản xuất rồi phó chủ nhiệm hợp tác xã và vào Hội đồng nhân dân huyện. Nhận nhiệm vụ gì chị cũng đem hết sức mình ra làm đến nơi đến chốn. Việc chung chị tỏ ra xuất sắc ; việc nhà chị cũng lo vẹn toàn. Năm trước, xây được ba gian nhà gạch, chị liền viết thư cho chồng : Anh cứ yên tâm đánh giặc. Bây giờ khi trời mưa gió, bão bùng, em và hai con đã có nhà cửa kín đáo, vững chắc, không như trước nữa. Cả họ giáo đều phấn khởi ; thanh niên hết lớp này đến lớp khác đang nô nức xin đi đánh Mỹ».

Chị Mừng đã trở thành một thanh niên nhanh nhẹn, hoạt bát. Trong các cuộc họp, trước đông đảo xã viên, chị thường đứng lên hô hào bà con : «Trong công cuộc chống Mỹ cứu nước, chị em bên lương làm được việc gì thì chị em bên giáo ta cũng làm được, cứ hăng hái mạnh dạn mà làm». Trong những lúc gặp mặt thân mật với chị em còn ít tuổi, có chồng đi đánh Mỹ ở tiền tuyến, chị luôn luôn nhắc nhở : «Có chồng đi đánh Mỹ là một vinh dự lớn đối với chị em công giáo chúng ta. Gia đình ta là gia đình vẻ vang. Ở nhà ta phải ăn ở chung thủy, đảm đang việc làng, việc nước, giữ tiếng tốt cho người vợ bộ đội, cho gia đình, cho họ giáo».

Sự thay đổi trong con người chị Mừng và việc làm hàng ngày của chị trông thì bình thường, nhưng thật không đơn giản. Chị đã trải qua nhiều thử thách. Lòng yêu nước, kính chúa, thương chồng, thương con đã giúp chị vượt được mọi thử thách và tiến bộ rất nhanh chóng.

BÀI 17

CÁC CHÚ PHI CÔNG CŨNG ÁP DỤNG LỐI ĐÁNH VIỆT NAM : TẤN CÔNG QUYẾT LIỆT, ĐÁNH RẤT THÔNG MINH, TÌM THẮNG ĐẦU SỎ MÀ DIỆT, ĐÁNH GẦN, ĐÁNH BẤT NGỜ

CHUYỆN KỂ :

MỘT TRUNG ÚY VIỆT NAM HẠ MỘT ĐẠI TÁ MỸ

Nô-man Ga-di-xơ là đại tá không quân Mỹ. Hắn vào quân đội Mỹ từ tháng 10 năm 1942, từng lái máy bay cho lực lượng Mỹ ở châu Âu trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Tổng số giờ bay : 4 200 giờ.

Hắn bị bắn rơi ngay phi vụ đầu tiên ra miền Bắc, đánh vào «khu 6», tức là vào khu vực thủ đô Hà Nội. Hắn nhận một nhiệm vụ đặc biệt. Ga-di-xơ là một tên chỉ huy lâu năm, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, đã kinh qua nhiều chức vụ quan trọng : chỉ huy căn cứ Mắc-din ở bang Flô-ri-đa, một căn cứ không quân lớn thuộc bộ chỉ huy không quân chiến thuật ; sĩ quan cao cấp nghiên cứu về không quân ở Bộ Quốc phòng Mỹ. Hắn được chọn đi học lái máy bay F.4 «con ma» rồi sau đó chuyên nghiên cứu một số vấn đề về tính năng, kỹ thuật và chiến thuật của F.4.

Hắn được phái sang Đông Nam Á ngày 3 tháng 3 năm 1967, giữa lúc «thần sấm» Mỹ hết thiêng (1), cần có con chủ bài mới thay thế. Đó là loại máy bay F.4, bay nhanh hơn nhưng phức tạp hơn, nặng nề và có nhiều nhược điểm.

Chiếc F.4C của hắn bị một «Mich» 17 hạ ngay khi hắn giáp trận với không quân ta lần đầu. Đòn phủ đầu rất nặng. Đồng chí trung úy Ngô Đức Mai, tuổi đời chỉ bằng nửa tuổi của

(1) Hết thiêng : ý nói do bị bắn rơi nhiều nên không còn có tác dụng dọa dẫm như trước nữa.

Ga-di-xơ, giờ bay chỉ bằng 1/15, 1/20 gì đó, đã nhận thấy ngay chiếc máy bay của hắn trong đội ngũ xồng xáo của hơn hai mươi máy bay Mỹ. Đồng chí nghĩ : «Ở cái vị trí ấy, chắc hắn là một thằng chỉ huy cuộc bắn phá lớn vào khu vực Thủ đô ta». Sau này Mai kể lại, giọng Nghệ an bình dị : «Lúc đó thật không có thì giờ nghĩ gì nhiều. Đối với người lái chúng tôi đây là một khu vực thiêng liêng ; biết bao tình cảm, tâm tư của chúng tôi gửi ở đó. Đánh vào khu vực này, chúng nó xúc phạm đến những cái gì thiêng liêng nhất của người Việt nam. Cả nước muốn trừng trị chúng !». Bằng một đường bay bất ngờ, táo bạo, được bạn yểm hộ, Mai quật ngã Nô-man Ga-di-xơ với chiếc F.4C của hắn. Đúng như anh phán đoán, nó là thằng chỉ huy cao nhất của trận đánh. Ga-di-xơ chỉ còn biết tung dù (1) ; cả lũ lâu la (2) tán loạn. Lúc ấy là chiều 12 tháng 5 năm 1967. Một chiến công xuất sắc của không quân trẻ tuổi trong đợt thi đua mừng thọ Bác Hồ bảy mươi bảy tuổi đã được đưa vào sử sách.

Sau đó ít lâu, đại tướng Nguyễn Chí Thanh đến thăm sân bay của Thủ đô. Đây là một cuộc gặp gỡ rất xúc động. Nghe kể lại tỉ mỉ trên đánh này, Đại tướng vỗ vai Ngô Đức Mai, cười sáng khoái. Đồng chí nói :

«Các đồng chí ạ, phải đánh thế. Đừng lằm, đó là lối đánh của chúng ta, của dân tộc Việt nam ta. Đó là cách đánh vô sản. Tinh thần tấn công thật quyết liệt ; cách đánh thật thông minh. Tìm ra thằng đầu sỏ mà quật. Chà ! Đồng chí Mai bắn gần đến thế. Đó chính là kiểu đánh gần, đánh bất ngờ. Năm thất lung Mỹ mà đánh như các đồng chí quân Giải phóng ta ở miền Nam !».

Đồng chí Đại tướng càng sáng khoái hơn : «Ta phải đánh như vậy. Một đồng chí trung úy ta hạ một đại tá Mỹ. Nó có thâm niên 25 năm ; đồng chí ta chỉ có vài năm. Nó có hơn 4000 giờ bay ; đồng chí ta chỉ vài trăm giờ. Nhưng ta thắng vì ta đánh trên bầu trời của ta, vì ta có đường lối đúng, có ý chí tiến công, có cách đánh giỏi».

Trích «Những người hùng Mỹ chóng mặt»
của Thành Tín

(1) Tung dù : ý nói đầu hàng.

(2) Lũ lâu la : ý nói bọn giặc lái Mỹ dưới quyền chỉ huy của Ga-di-xơ.

CHƯƠNG HAI

TỘI ÁC CỦA MỸ - NGUY

BÀI 18

MỘT TÊN TỔNG THỐNG ĐỘC QUYỀN BUÔN XƯƠNG BÁN MÁU ĐỒNG BÀO TA

CHUYỆN KỂ :

CUỘC ĐỜI BÁN NƯỚC CỦA TÊN NGUYỄN VĂN THIỆU

Thiệu sinh năm 1923 tại Ninh thuận. Năm 1945, trong lúc đang học năm thứ tư trung học, hắn tham gia đảng phản động Đại Việt.

Năm 1946, khi toàn dân ta đứng lên cầm gậy tầm vông, gươm, súng chống Pháp xâm lược thì Thiệu đóng chuẩn úy đánh thuê cho thực dân Pháp, chống lại cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Trong cuộc hành quân càn quét ở vùng Tây Nam bộ năm 1949, nhờ những «thành tích» chém giết đồng bào, hắn được Pháp khen và được điều về dạy ở trường sĩ quan bộ binh nguy. Năm 1952, hắn được Pháp đem về dạy ở trường sĩ quan tham mưu tại Hà nội. Trong thời gian đó, hắn tham gia cuộc hành quân lớn ở Hưng yên (1), dẫn cả học trò băm gót bọn lê dương, com-măng-đô càn đi quét lại cả tháng trời, giết hại hàng nghìn dân thường ở vùng này. Năm 1954, Thiệu tham gia cuộc hành quân Ất-lăng của quân đội Pháp ở miền Trung, bị quân và dân ta đánh cho tan tác.

(1) Hưng yên : nay thuộc tỉnh Hải hưng.

Pháp đi, Mỹ đến, Thiệu lại tiếp tục làm tay sai cho chủ Mỹ. Hắn lao ngay vào việc đàn áp phong trào yêu nước, yêu hòa bình của nhân dân ta. Năm 1960, hắn được chủ Mỹ cho sang «nước mẹ» học lớp sử dụng «vũ khí hiện đại». Trở về miền Nam, hắn làm tư lệnh quân đoàn 1, phục vụ âm mưu «Bắc tiến» của Mỹ—Diệm. Hắn đã gây tội ác chống lại đối với đồng bào ta ở hai tỉnh Quảng trị, Thừa thiên (1). Từ 1963 đến 1964, Thiệu nhẩy từ đại tá lên trung tướng với những chức tư lệnh sư đoàn 5, tham mưu trưởng liên quân, thứ trưởng bộ quốc phòng, tổng thư ký hội đồng quân lực, tư lệnh quân đoàn 4, tư lệnh vùng 4 chiến thuật. Từ trung tướng hắn nhẩy tuột vào sân khấu chính trị với biệt tài là hoạt động gian xảo ở hậu trường để rồi leo lên ghế tổng thống.

Thiệu là một tên rất gian ngoan, gió chiều nào theo chiều ấy. Khi thấy Ngô Đình Diệm yếu thế, hắn ngầm giúp Dương Văn Minh lật Diệm, rồi lại cộng tác với Nguyễn Khánh đảo chính Dương Văn Minh. Khi Khánh bị lật đổ tháng 9 năm 1964, Thiệu ngoặt tay với Nguyễn Chánh Thi lập Phan Huy Quát. Hắn leo lên ghế «Chủ tịch ủy ban hành pháp quốc gia», mở cửa đón quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam nước ta. Hắn tiếp tục chặt tay, chặt cánh bọn tướng trẻ đầu bò, chạy nước rút với Nguyễn Cao Kỳ và leo lên ghế tổng thống bù nhìn tháng 1 năm 1967.

Từ khi chiếm ghế độc quyền buôn xương, bán máu đồng bào ta nay, Thiệu càng ra tay biến miền Nam ta thành bãi chiến trường, hai lần chống gậy, cặp cặp sang Mỹ nhận lệnh của Giôn-xơn. Vâng lệnh chủ Mỹ, hắn đẩy hàng triệu thanh niên miền Nam ta đi làm bia đỡ đạn cho Mỹ. Chính hắn ký tên lên những quả bom Mỹ ném xuống miền Bắc nước ta. Cũng

(1) Quảng trị, Thừa thiên : nay là Bình trị thiên.

chính hắn tuyên bố «không có Sơn mỹ», «không có chuồng cọp», «không có tù chính trị». Hắn tha hồ làm giàu trên xương máu của nhân dân ta.

Sau khi hiệp định Pa-ri được ký kết, hắn tiếp tục làm chó săn, chim mồi cho bọn xâm lược Mỹ. Hắn hò hét : «Chỉ có đánh ! Chỉ có đánh !». Hắn mở hàng vạn cuộc hành quân lấn chiếm, hàng chục vạn cuộc hành quân bình định, tiếp tục làm chiến tranh cho Mỹ một cách hết sức hung hăng.

Ngày 21 tháng 4 năm 1975, trước sức tiến công và nổi dậy như vũ bão của quân và dân ta đang tiến về Sài gòn, Nguyễn Văn Thiệu đã buộc phải từ chức. Hắn cùng gia đình và một số tay chân thân tín chuồn ra nước ngoài, mang theo không biết bao nhiêu vàng bạc châu báu mà hắn đã cướp được của nhân dân ta trong suốt một cuộc đời làm tay sai của hắn.

BỌN LÍNH MỸ PHẠM NHỮNG TỘI ÁC TRỜI KHÔNG DUNG ĐẤT KHÔNG THA

CHUYỆN KỂ :

SƠN MỸ, ĐÂY, VĂN MINH CỦA NƯỚC MỸ

Ngày 16 tháng 3 năm 1968, bọn lính viễn chinh Mỹ thuộc lữ đoàn nhảy dù 82, hành quân vào các xã Sơn mỹ, Sơn quang, Sơn hải, Sơn hòa thuộc huyện Sơn tĩnh, tỉnh Quảng Ngãi (1). Chúng dùng súng lớn bắn xối xả vào các xã ấy, sau đó ập tới đốt nhà, giết người, cướp của, hãm hiếp phụ nữ. Đặc biệt ở xã Sơn mỹ (tức xã Tịnh Khê cũ) chúng đã áp dụng chính sách «đốt sạch, phá sạch, giết sạch» một cách cực kỳ man rợ. Chúng dùng chất nổ đánh phá các hầm trú ẩn rồi bắt đồng bào ta tập trung lại và xả súng bắn chết hàng trăm người một lúc. Chúng xô đồng bào ta vào các nhà, nổ súng và ném lựu đạn tàn sát rồi phóng hỏa đốt nhà. Chúng ném thiếu nhi vào lửa để thiêu sống, đâm chém cả những trẻ em còn ngậm vú mẹ. Chúng hãm hiếp nhiều phụ nữ đến chết; có chị còn ngắc ngoải cũng bị chúng ném xác xuống giếng, xuống sông. Chúng lừa hơn 100 phụ nữ và trẻ em cùng mấy chục cụ già xuống một con kênh rồi xả súng máy, ném lựu đạn dồn dập.

Chúng ném lựu đạn vào hầm trú ẩn nhà anh Lệ, giết một lúc 22 người. Chúng giật mìn giết chị Mùi và bốn con nhỏ của

(1) Quảng Ngãi : nay thuộc tỉnh Nghĩa bình.

chị. Chúng bắn chị Phụ rồi đốt cháy xác chị và thiêu sống cả đứa con thơ đang bò tìm vú mẹ. Ở xóm Làng, lũ giặc đã hiếp một em bé, một bà già rồi giết chết cả hai người. Chúng đẩy một cụ già xuống giếng rồi tung lựu đạn theo. Em Dực bị chúng bắn ngã, nhưng em chạy thoát được khỏi nơi chúng đã tàn sát trọn cả gia đình em.

Còn biết bao nhiêu cái chết thương tâm như vậy, chỉ trong đợt khủng bố này ở xã Sơn mỹ, bọn lính viễn chinh Mỹ đã giết chết 380 người ở xóm Làng, 87 người tại thôn Mỹ lộc, 34 người ở thôn Xuân dương, tổng cộng là 501 người, hầu hết là người già, phụ nữ và trẻ em. 24 gia đình binh sĩ nguy bị chúng giết hết không còn một người nào.

Đế quốc Mỹ và bọn tay sai cố tìm cách che giấu tội ác man rợ của bọn lính Mỹ tại Sơn mỹ. Nhưng vô ích ! Vụ thảm sát Sơn mỹ đã gây nên một sự xúc động mạnh mẽ trên thế giới và ngay ở nước Mỹ. Mọi người phản uất trước những hành động cực kỳ dã man của bọn «mắt là mắt người Mỹ nhưng dạ là dạ thú dữ», của bọn quý xa tăng (1) mặc áo quân đội Mỹ. Nhiều tờ báo đã đăng những ảnh tội ác của lính Mỹ ở Sơn mỹ với cái đầu đề lớn : «Sơn mỹ, đây, văn minh của nước Mỹ !».

(1) Quý xa tăng : ý chỉ bọn độc ác, nhiều tội lỗi.

CHƯƠNG BA

GUƠNG HỌC TẬP TỐT

BÀI 20

QUYẾT TÂM KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN ĐỀ HỌC TẬP

CHUYỆN KỂ :

NGUYỄN NGỌC KÝ TẬP VIẾT

Nguyễn Ngọc Ký bị liệt hoàn toàn cả hai tay, nhưng vẫn kiên trì tập viết bằng chân và vẫn ra trường học được cùng các bạn. Học xong lớp 10, Nguyễn Ngọc Ký được vào học trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, và đến nay đã tốt nghiệp khoa Ngữ văn.

Hồi đó tôi vừa tròn bốn tuổi thì bị liệt hoàn toàn cả hai tay sau trận ốm nặng vì những ngày nằm hầm giữa đồng, trong thời gian giặc Pháp chiếm quê tôi.

Sau ngày quê hương được giải phóng, các bạn tôi đều được đi học cả. Tôi thèm quá, đòi mẹ tôi đến xin cô giáo cho tôi vào học lớp vỡ lòng, nhưng chỉ đến nghe, chứ không viết được. Nhiều lần, tôi nghĩ : «Mình phải tập viết !», song chưa biết viết bằng cách nào.

Một hôm, trên đường đi học về, tôi chợt thấy trên cành cây bù cu có những cái lá hiện lên chẳng chịt những vân vẽ rất tinh vi. Tôi bèn ngắt một cái lá và hỏi cô giáo :

— Thưa cô, ai viết gì lên lá thế này ?

— Không ai viết đâu ! Con chim gáy nó dùng mỏ để vẽ đấy em ạ.

Tôi vụt nảy ra một ý nghĩ, suýt nữa thì reo to lên : «Ồ ! Thế thì mình cũng sẽ dùng miệng để viết».

Về nhà, tôi ngậm bút vào miệng, mới gạch được mấy cái trên vở, răng đã đau, mắt đã lóa. Tôi quăng bút, nhìn ra sân, thấy mấy con gà con, bắt chước mẹ, đang bới đất tìm sâu. Tôi bỗng vụt nghĩ : « Hay là mình cũng dùng chân để tập viết ? ».

Tôi thực hiện ngay, lấy bút chì đặt vào giữa ngón chân cái và ngón chân trỏ. Tôi chưa kịp viết, bút đã rơi xuống vì bút nhỏ quá, kẽ chân thì to. Mấy lần như vậy, bực quá, tôi liền đá bút chì vào xó nhà rồi đi chơi.

Mấy hôm sau, tôi lại tập viết. Lần này, tôi dùng gạch non viết xuống sân gạch. Cả cái sân đỏ lỏe loet những vạch dọc, ngang chẳng chịt như vết chân gà bới. Cô giáo Cương biết tôi đang tập viết, cô khuyến khích tôi cứ tiếp tục. Bằng là bạn thân nhất của tôi, ngày nào cũng đến giúp tôi viết. Nhưng tập mãi, ngón chân tôi vẫn cứ cứng đờ. Bút chì cứ vẽ nguệch ngoạc trên giấy thành những hình kỳ quái. Nhiều lúc, tôi bị chuột rút đến co quắp cả ngón chân. Tôi bực mình, quăng cả vở lẫn bút, nằm lăn ra phản (1). Bằng lại đỡ tôi dậy. Hai đứa nhìn nhau, nửa muốn cười, nửa muốn khóc. Thấy tôi tập khó quá, Bằng định thử một tí nhưng bút vừa chạm giấy thì giấy đã bị đâm thủng và bút thì tuột mất. Thấy vậy, Bằng khuyên tôi :

— Thôi, đừng tập nữa Ký ạ. Chắc chẳng bao giờ thành công được đâu. Ai lại viết bằng chân kia chứ !

Quả thật lúc này tôi cũng bắt đầu nản.

(1) Phản : giường bằng ván ghép thường kê trên mễ (còn gọi bộ chân ngựa).

Nhưng một hôm cô Cương lại đến nhà tôi. Cô cho tôi thêm một quyển vở nữa và khuyên tôi :

— Đừng nản em ạ ! Phải chịu khó mới được, có công mài sắt có ngày nên kim !

Cô còn bảo tôi nên tập viết những chữ dễ trước như chữ o, chữ i, sau mới đến chữ khó như h, k.

Sau một thời gian ngắn, quả thật tôi đã khoanh được tròn chữ o, rồi đến chữ i, chữ t cũng viết được. Cuối cùng khó nhất là chữ k. Tôi tập mãi vẫn chưa được. «Hay mình bỏ quách chữ này đi, không viết được một chữ cũng chẳng sao». Nhưng thật oái ăm, chữ k lại cần thiết để viết từ «Ký». Mọi chữ đã viết được rồi, tên mình lại không viết được ư ?

Nghĩ thế, tôi lại miệt mài tập bằng được.

Đến lớp, cô Cương tìm một mảnh chiếu trải ngay trước bàn thứ nhất cho tôi ngồi viết. Nhưng lạ quá, sao tôi không giữ được bình tĩnh như lúc ngồi viết ở nhà. Chân tôi cứ run run, gượng gượng. Các bạn ngồi bàn gần đấy chốc chốc lại nghe nhìn, càng làm tôi hồi hộp.

Bài tập chép đầu tiên hôm ấy, tôi được điểm 5.

Quyển vở chưa kịp rời tay cô, các bạn đã chuyền nhau để xem.

Những bài tập chép lần sau tôi đã đạt điểm 8, rồi điểm 10.

BÀI 21

HỌC ĐỀ PHỤC VỤ NHÂN DÂN, PHỤC VỤ CÁCH MẠNG

CHUYỆN KỂ :

MƠ ƯỚC CỦA TUỔI THƠ

Bác sĩ Đặng Văn Ngữ quê ở Thừa thiên, sinh năm 1910, mất năm 1967, hồi nhỏ đã có ước mơ làm thầy thuốc để chữa bệnh cho người nghèo.

Bác sĩ Ngữ đang học ở Nhật thì cách mạng tháng Tám thành công và sau đó giặc Pháp trở lại muốn xâm chiếm nước ta lần nữa. Bác sĩ Ngữ về nước tham gia kháng chiến, nghiên cứu trong hoàn cảnh rất thiếu thốn, khó khăn, đã chế ra thuốc pē-ni-xi-lin để chữa cho thương binh và nghiên cứu kế hoạch tiêu diệt bệnh sốt rét cho nhân dân.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bác sĩ Ngữ lại lên đường ra tiền phương và đã hy sinh oanh liệt trong khi đang say mê nghiên cứu vấn đề chống bệnh sốt rét cho các chiến sĩ ngoài chiến trường.

Cậu học sinh Đặng Văn Ngữ đang men theo bờ sông đi đến trường học, bỗng có tiếng gọi từ một con thuyền đang chèo vội tới. Ngữ quay lại, hỏi vọng xuống :

— Kia bác Dậu ! Bác đỡ đau chân chưa ?

Thuyền từ từ ghé sát bờ. Bác Dậu trạc năm mươi tuổi, khỏe mạnh, nhanh nhẹn cầm sào, neo thuyền rồi bước lên bờ. Bác đưa bàn chân trái cho Ngữ xem. Ngữ ngồi xuống ngắm nghía bàn chân bác Dậu đã lên da non rồi hỏi :

— Có đỡ ngứa không bác ?

— Đỡ lắm ! Có lẽ rồi khỏi hẳn. May có cậu mách bảo...

— Mai tôi sẽ xin bà nội tôi một ít lá trầu không nữa rồi tôi mang đến cho bác.

— Thế thì cảm ơn cậu lắm.

— Có gì mà bác phải cảm ơn... Ngủ đi và đừng dậy đi học.

Chả là bác Dậu bị bệnh ngứa loét ở chân, vì túng không có tiền mua thuốc nên bệnh kéo dài đã bốn, năm năm. Một hôm đi học về, thấy bác Dậu ngồi gãi và rửa chân ở bến này, cậu Ngừ chạnh lòng thương và hỏi mẹ xin tiền.

Mẹ hỏi:

— Xin tiền làm gì thế con?

— Con có việc cần tiêu má a.

Gặng mãi, Ngừ mới kể chuyện tình cảnh bác Dậu. Thấy thế, bà mẹ liền bày cho Ngừ mang ít lá trầu không cho bác Dậu và dặn cách chữa. Mẹ nói:

— Không phải má tiếc tiền, nhưng cách ấy chữa lở loét ngoài da tốt lắm con ạ!

Ngừ nghe lời mẹ, theo cách ấy giúp bác Dậu được khỏi chân.

Một hôm Ngừ đến chơi nhà bác, thấy đứa con bác đang đau bụng vật vã, nôn thốc tháo ra cả giun. Ngừ lo âu và thương thẳng bé quá, bèn giục bác Dậu cho cháu đi khám đóc-tờ.

Bác Dậu mắt đỏ hoe nói:

— Thù thật với cậu, không có tiền thì đóc-tờ nào họ khám cho, có đưa đi rồi lại bế về thôi. Rồi còn tiền mua thuốc nữa chứ. Sống chết đành chịu, biết làm sao được!

Cũng may, sau đó đứa bé bớt đau rồi qua được.

Cảnh ngộ của bác Dậu làm cho Ngừ suy nghĩ mãi:

«Tại sao phải có tiền đóc-tờ mới chữa bệnh, mặc dầu bệnh nhân đau sắp chết?».

Rồi một ý nghĩ nảy thơ và trong sáng của Ngừ bật nảy ra lúc nào không rõ: «Lớn lên, ta sẽ làm đóc-tờ và chữa bệnh cho người nghèo không lấy tiền!».

Lược trích «Một nhà khoa học yêu nước»
của Đức Hoài

BÀI 22

CÒN SỐNG NGÀY NÀO LÀ CÒN HỌC ĐỂ LÀM VIỆC ÍCH NƯỚC LỢI DÂN

CHUYỆN KỂ:

ĐẾN BÀN MỒ VẪN KHÔNG RỜI QUYỀN SÁCH

Anh Phạm Hồng Sơn là cán bộ chỉ huy của tiểu đoàn 307, một tiểu đoàn nổi tiếng ở Nam bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Tháng 7 năm 1954, trong khi chỉ huy chiến đấu, anh đã bị đạn súng máy của địch bắn gãy xương sống lưng. Mặc dù được y sĩ, bác sĩ tận tình cứu chữa, anh Phạm Hồng Sơn vẫn bị liệt hoàn toàn từ bụng trở xuống. Suốt ngày này sang tháng khác, anh phải nằm trên giường bệnh.

Nhưng trong hoàn cảnh đó, anh không nản chí, vì anh nghĩ rằng: «Còn sống ngày nào là còn làm được việc ích nước lợi dân». Thế là ngày đêm anh đã miệt mài tự học tiếng Nga. Mùa hè cũng như mùa đông, trời oi bức cũng như giá lạnh, sáng ra đài phát thanh vừa nổi lên điệu nhạc thể dục là anh đã vội vã đánh răng, rửa mặt, rồi ôm lấy quyền sách. Nhiều khi cứ thế anh học đến tận giờ đi ngủ tối, chỉ trừ hai bữa cơm và giờ nghỉ trưa.

Giữa năm 1957, anh Phạm Hồng Sơn được chuyển ra bệnh viện Việt—Đức (Hà nội) một tháng để mổ vết thương ở cột sống. Anh lo thời gian này việc học sẽ bị gián đoạn nên mang cả sách vở đi theo. Khi ổn định xong chỗ nằm, sáng hôm sau anh lại tiếp tục học ngay.

Dần dần, anh Phạm Hồng Sơn có được một số vốn tiếng Nga khá vững chắc. Anh nghĩ: «Học được không phải chỉ để riêng mình đọc sách mà phải dịch sách để nhiều người cùng được đọc». Thế là anh dịch một loạt truyện phục vụ thiếu nhi và nhiều loại sách khác phục vụ cho các ngành khoa học. Anh lao động rất say mê, có ngày tới mười hai, mười ba tiếng đồng hồ. Hồi đó, bệnh viện chưa có đèn điện, anh làm việc bên ngọn đèn lù mù. Anh nằm nghiêng nghiêng để tránh chỗ đau. Một tay anh ghim chiếc bìa cứng có mấy tờ giấy trắng, tay kia cầm bút hý hoáy viết. Ngày nào gặp nhiều câu khó hoặc bị bệnh tật hành hạ, không dịch đủ mức, đêm ấy anh thao thức suy nghĩ. Và ngày hôm sau, anh nhất định làm bù cho kỳ được. Những hôm dễ chịu nhất là những hôm anh gượng ngồi dậy được, anh kê tấm ván gỗ lên đùi làm bàn để viết. Nhưng những phút «thần tiên» ấy không phải là nhiều. Thường lúc đang viết, anh buộc phải dừng bút để bóp đầu xoa trán bị đau buốt..

Sách anh dịch đã được xuất bản khá nhiều, nhưng anh không hề tiêu riêng món tiền nhuận bút. Anh gửi mua sách tặng cho nhiều thư viện ở địa phương và ngay từ thời kỳ đầu dịch sách, anh đã góp 600 đồng để giúp địa phương xây dựng một bệnh viện thiếu nhi.

Anh Phạm Hồng Sơn đã chiến đấu dũng cảm, học tập say mê, lao động quên mình vì nhân dân. Tấm gương nghị lực của người chiến sĩ cách mạng ấy mãi mãi ngời sáng trên con đường chúng ta đi.

BÀI 23

CÓ CÔNG MÀI SẮT, CÓ NGÀY NÊN KIM

CHUYỆN KỂ :

CAO BÁ QUÁT LUYỆN CHỮ

Ông Cao Bá Quát là người học rộng, tài cao, văn hay chữ tốt, nổi tiếng đất Bắc hà (1). Chuyện kể về ông thì rất nhiều. Song có một chuyện mà ngày nay khi nhắc đến, hẳn các bạn nhỏ chúng ta ai nấy đều thích thú và không khỏi suy nghĩ, liên hệ đến việc học tập của mình. Ấy là chuyện Cao Bá Quát luyện chữ.

Ngay từ hồi còn nhỏ mới học chữ, Cao Bá Quát đã tỏ ra là một đứa trẻ thông minh, lanh lẹ, có nhiều sáng tạo trong học tập. Văn anh viết thì thật là hay nhưng chữ viết của anh lại rất là xấu. Xấu đến nỗi có bài do chính tay Quát viết ra mà Quát vẫn không sao đọc nổi. Chính vì vậy, bài của Quát làm tuy có ý hay, ý tốt, nhưng không bao giờ được nhận xét tốt. Bởi chữ viết xấu và bần quá. Thầy giáo dạy Quát lúc đó đã nhiều lần khuyên Quát tập viết thật nhiều cho đẹp, nhưng Quát còn mãi chơi, không chịu ngồi yên một chỗ được lâu để tập viết. Cho nên chữ xấu vẫn hoàn xấu.

Quát có đức tính rất tốt là hay giúp đỡ mọi người. Một hôm có bà cụ láng giềng nhờ Quát viết hộ lá đơn đề trình lên quan huyện xin đất cất nhà. Tờ đơn này có nội dung rõ

(1) Bắc hà : tiếng gọi ngày xưa chỉ đất Bắc.

ràng và văn thật là hay. Nhưng vì chữ viết xấu quá, tên quan huyện không đọc ra, hắt liền mắng bà cụ và đuổi về. Bà cụ buồn lắm. Được tin này, Cao Bá Quát rất ân hận và nhận thức rằng : dù văn hay đến mấy đi chăng nữa mà khi viết không ai đọc được thì cũng chẳng ra gì. Từ đó, Quát quyết tâm luyện chữ, tập viết chữ cho thật đẹp.

Biết mình có tính ham chơi, hay chạy nhảy, Quát tự buộc chân mình vào chân bàn để hễ muốn đi đâu thấy vương chân sẽ nhớ ra lời tự hứa quyết tâm luyện chữ. Biết mình ngồi viết lâu hay ngủ gật, Quát buộc tóc mình lên xà nhà để hễ ngủ gật bị rứt tóc lại tỉnh dậy mà viết. Biết mình viết nét sỏ (1) chưa thật thẳng, Quát dùng que nhọn gạch những nét sỏ trên hòn gạch. Viên gạch bị anh gạch lên hàng ngàn, hàng vạn lần, hết ngày này qua ngày khác, tháng này sang tháng khác đã bị lõm xuống hơn một đốt ngón tay.

Sau mấy năm liền tập viết, luyện chữ như thế, Cao Bá Quát đã viết chữ rất đẹp. Đẹp đến nỗi những chữ ông viết ra trông như là chữ in.

Ngày nay, ở quê hương ông và ở Sở văn hóa Hà nội vẫn còn bút tích (2) của ông. Đó là những nét chữ thật mẫu mực và rất đẹp.

(1) Nét sỏ : một loại nét của chữ Hán, kéo thẳng từ trên xuống.

(2) Bút tích : dấu nét bút, nét chữ.

ĐẤU TRANH BẢN THÂN, TỰ RÈN LUYỆN ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP

CHUYỆN KỂ :

LÊ-NIN RÈN LUYỆN NĂNG LỰC LÀM VIỆC TỪ BÉ

Va-lô-đi-a (1) ham học và học rất dễ dàng. Em có nhiều năng khiếu tốt. Bố em là một nhà giáo có kinh nghiệm, thường khuyên các con phải kiên nhẫn, phải làm đúng, đầy đủ và chu đáo những bài vở của nhà trường. Ở lớp, Va-lô-đi-a rất chăm chú nghe lời thầy giảng. Em tiếp thu sâu sắc các bài học nên về nhà em chỉ đọc qua là thuộc. Những buổi tối, khi các anh chị vừa ngồi vào bàn và bày bài vở ra là Va-lô-đi-a đã thuộc hết bài vở của mình. Em ngồi tán chuyện, trêu ghẹo các em nhỏ và phá không cho họ học. Các anh chị bảo em :

— Va-lô-đi-a, im đi.

Hoặc họ mách mẹ :

— Mẹ ơi, Va-lô-đi-a phá không cho chúng con học.

Thường những lúc ấy, mẹ gọi Va-lô-đi-a và các em nhỏ vào phòng mình, đệm đàn cho các em hát. Hoặc lúc có bố ở nhà, người gọi Va-lô-đi-a vào phòng làm việc của mình và kiểm tra bài của em. Bố hỏi những câu rất khó, nhưng Va-lô-đi-a trả lời trôi chảy hết.

Tuy Va-lô-đi-a làm hết bài vở và học rất giỏi, nhưng vì em có nhiều năng khiếu xuất sắc nên học tập dễ dàng, không tốn nhiều thì giờ, không căng thẳng và chưa phát huy hết năng lực làm việc của mình. Một hôm, Va-lô-đi-a thấy em gái Ô-li-a nhàn nại tập mãi không chán một bài nhạc dài trên dương cầm. Va-lô-đi-a suy nghĩ và tự thấy mình còn khuyết điểm là

(1) Va-lô-đi-a : tên gọi thân mật hồi còn bé của Vla-đi-mia I-lich Lê-nin.

chưa tập để phát triển năng lực làm việc của mình. Em nói với chị : «Chị ơi, năng lực làm việc của Ô-li-a cao như thế đấy ! Còn em, em đã tự nghĩ xem mình có đủ can đảm làm việc như thế không và tự thấy chưa được như Ô-li-a». Từ đó, Va-lô-đi-a đấu tranh bản thân (1) và tự rèn luyện để phát triển năng lực làm việc của mình. Càng lên lớp trên và khi vào trường Đại học, rồi suốt cả đời, năng lực làm việc bền bỉ dẻo dai, không biết mệt mỏi của Va-lô-đi-a đã khiến tất cả mọi người kinh ngạc.

Em bắt đầu ham mê đọc sách. Khi tập làm văn, em không chỉ đóng khung trong các quyển sách giáo khoa và lời giảng của thầy giáo. Em tìm đọc nhiều các sách khác ở tủ sách gia đình và ở thư viện của thành phố. Vì vậy các bài luận của em rất súc tích (2), có nhiều ý độc đáo và được trình bày với lời văn trôi chảy.

Trong lớp, em đối xử với bạn bè rất tốt. Em thường hay giúp đỡ, bày vẽ cho các bạn. Trong giờ ra chơi hoặc trước buổi học, người ta thường thấy Va-lô-đi-a dịch cho các bạn nghe một đoạn văn tiếng La-tinh hay giảng một định lý khúc mắc (3). Em nói là em muốn giúp bạn thế nào để bạn đạt điểm tốt mà thầy giáo không biết là có người giúp đỡ, nhất là không biết chính Va-lô-đi-a giúp đỡ. Cả lớp yêu mến Va-lô-đi-a vì em học giỏi và sẵn sàng giúp đỡ các bạn khác tiến bộ với mình...

(Theo A.I U-li-a-nô-va) (4)

(1) *Đấu tranh bản thân* : tự mình suy nghĩ phân tích thấy rõ sai trái của mình và quyết tâm sửa chữa.

(2) *Súc tích* : chứa đựng nhiều ý tứ cô đọng.

(3) *Khúc mắc* : khó hiểu.

(4) *A.I. U-li-a-nô-va* : tên người chị ruột của Lê-nin.

BÀI 25

CÓ SAY MÊ VÀ SÁNG TẠO MỚI HỌC GIỎI ĐƯỢC

CHUYỆN KỂ :

MỘT CẬU HỌC TRÒ SAY MÊ MÔN TOÁN

Hòa (1) mê toán từ bé.

Đạo ấy em đang học lớp ba ở nơi sơ tán. Một buổi sáng nghỉ học, em trở về nhà với mẹ. Mẹ ôm em vào lòng, khẽ vuốt mớ tóc lòa xòa trước trán :

— O này, sao tóc con sém cả một mảng thế này ?

— Thế hở mẹ ?

— Con soi gương mà xem.

— Chả là hôm qua con ngủ gật đấy mẹ ạ.

Thật ra Hòa không ngủ gật. Mắt cận thị, phải cúi sát đèn dầu làm toán mãi mê, em không hề biết tóc bị cháy sém.

Năm Hòa học lớp bảy, vào một đêm đông lạnh buốt, mẹ cứ thấy em trở mình luôn. 12 giờ, rồi 1 giờ khuya. Bỗng Hòa lẳng lẽ chui ra khỏi chăn, mặc nguyên áo mỏng ngồi vào bàn học, bật đèn con, lấy vở ra viết viết, vẽ vẽ.

— Mặc thêm áo vào, con. Cấm đấy !

— Xong rồi, mẹ ạ !

(1) *Hòa* : Vũ Đình Hòa là học sinh lớp phổ thông chuyên Toán của trường Đại học Tổng hợp Hà nội, đã đạt giải nhì kỳ thi Toán quốc tế năm 1974.

Hòa đứng dậy vươn vai, cười với mẹ, rồi trở về cái chõng (1) của mình, đánh một giấc đến sáng. Một bài toán khó đã dày vò em! Em chỉ có thể ngủ sau khi bài toán được giải trọn vẹn.

Bố mẹ Hòa có tám người con. Nhà đông, thu nhập thấp. Hòa phải đỡ mẹ những việc nhỏ: mua gạo, mua rau, thối cơm, lau nhà... Phần một nỗi là các chị sai vặt hơi nhiều:

— Hòa, xách chị xô nước!

— Hòa, cầm đồng bạc đây, ra mua chị mấy bìa đậu (2).

Bố mẹ làm ở Hợp tác xã, anh đi bộ đội. Trong nhà chẳng có ai học hơn để kèm Hòa về toán. Sách tham khảo hầu như không có. Ngay cả sách giáo khoa cũng thiếu. Thế mà Hòa vẫn học toán xuất sắc! Vì hầu như không lúc nào em không làm toán. Ngồi chờ cơm cạn, em vẽ vẽ, xóa xóa ngay trên sân gạch. Mười phút xếp hàng mua đậu phụ, em giải xong một bài toán khó. Bàn học, Hòa nhường cho các em. «Góc học tập» của Hòa là cái chõng Hòa vẫn ngủ. Hòa thường ngồi bệt xuống sân nhà, kê vở lên mặt chõng làm bàn.

Hòa mê toán quá chừng!

Thầy giáo Nguyễn Cao Sơn có kể lại một mẩu chuyện vui: «Hôm ấy trận đấu bóng của học sinh lớp Hòa diễn ra sôi nổi. Bóng bay về phía một khung thành. Tất cả cầu thủ đều sững sốt: khung thành bỏ trống! Và «thủ môn» Hòa đang ngồi lúi húi ở một khoảng đất sau cầu môn. Nghe tiếng các bạn hét toáng lên, Hòa như sực tỉnh, vội ba chân bốn cẳng về vị trí của mình. Thì ra anh chàng «thủ môn» quên băng trận đấu, bỏ bãi ra ngoài vì chợt nghĩ ra... cách giải một bài toán khó!». Dường như đi đâu, làm gì, Hòa cũng mang theo trong đầu một đề toán khó...

(1) Chõng: giường nhỏ bằng tre.

(2) Bìa đậu: khuôn đậu hũ.

Từ những năm cấp hai, Hòa đã tỏ ra một học sinh có sáng tạo. Em luôn tự đề ra những câu hỏi đảo sâu kiến thức toán học, và cố gắng suy nghĩ để tự giải đáp. Em đã sáng tạo khá nhiều đề toán và tìm ra nhiều cách giải độc đáo. Từ một đề toán thầy cho, em tự nghĩ ra hàng chục đề toán khác. Em cùng các bạn trong lớp sưu tầm được rất nhiều đề toán để trao đổi với nhau.

Lên cấp ba, năng lực sáng tạo của Hòa càng nảy nở. Hòa đã góp phần giải có kết quả một bài toán được đặt ra từ lâu trên thế giới nhưng vẫn chưa được giải một cách trọn vẹn.

Chăm học toán, nhưng Hòa vẫn học tốt các môn học khác và vẫn dành thì giờ đọc trọn những bộ tiểu thuyết của các nhà văn lớn trong nước và trên thế giới.

Thường có những lời giải toán độc đáo nhưng trong vở bài tập của mình, Hòa vẫn chép cẩn thận lời giải của các bạn. Em ghi rõ: «Đây là cách giải của Hùng», «ý kiến của Thắng», hoặc «cách này của thầy», chỗ này do thầy gợi ý».

Rất khiêm tốn, nhưng Hòa cũng rất thẳng thắn. Bình thường em rất ít nói, nhưng khi thấy bạn giải toán sai, Hòa giơ tay xin nói ngay. Và nếu cần tranh luận, em tranh luận đến cùng, không nề nang. Rất yêu bạn, nhưng em còn yêu chân lý nữa.

..

MỤC LỤC

CHƯƠNG MỘT

*Gương miền Bắc sản xuất, xây dựng, chiến đấu
và chi viện miền Nam chống Mỹ cứu nước*

Bài 1—	Cách mạng đã đem lại cho tôi cơm áo và ánh sáng	5
Bài 2—	Hà Nội ngày nay	7
Bài 3—	Đức tính thật thà của anh quản lý	9
Bài 4—	Lúa khoai xanh mượt bên cầu Hàm rồng	11
Bài 5—	Mắt hồng nhưng lòng vẫn sáng	13
Bài 6—	«Bà con lo chạy chữa cho hai cháu, đừng lo cho tôi»	15
Bài 7—	Ánh sáng văn hóa ở vùng cao	17
Bài 8—	Nữ kiện tướng	20
Bài 9—	Chú bê vàng 341	22
Bài 10—	Đội thủy lợi tên lửa	24
Bài 11—	Đức tính khiêm tốn của một ông Bộ trưởng	27
Bài 12—	Chị hiền	30
Bài 13—	Người mẹ chiến sĩ	33

Bài 14—	Chuyến xe vì miền Nam ruột thịt	35
Bài 15—	Gia đình cụ Nguyễn văn Tách có tám con đi bộ đội	37
Bài 16—	Tấm lòng người vợ	39
Bài 17—	Một trung úy Việt Nam hạ một đại tá Mỹ	41

CHƯƠNG HAI

Tội ác của Mỹ — nguy

Bài 18—	Cuộc đời bán nước của tên Nguyễn văn Thiệu	43
Bài 19—	Sơn Mỹ, đây, văn minh của nước Mỹ !	46

CHƯƠNG BA

Gương học tập tốt

Bài 20—	Nguyễn Ngọc Ký tập viết	48
Bài 21—	Mơ ước của tuổi thơ	51
Bài 22—	Đến bàn mồ vẫn không rời quyển sách	53
Bài 23—	Cao Bá Quát luyện chữ	55
Bài 24—	Lê-nin rèn luyện năng lực làm việc từ bé	57
Bài 25—	Một cậu học trò say mê môn Toán	59



Tài liệu
CHÍNH TRỊ ĐẠO ĐỨC
LỚP NĂM PHÒ THÔNG
NHÀ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC

In 80.000 cuốn,
khổ 14 × 20,5cm
tại Nhà in LAO ĐỘNG
124 — 126 đường Lê Lai
thành phố HỒ CHÍ MINH

In xong tháng 5 năm 1977
Nộp lưu chiều tháng 5-1977

Giá : 0,20đ